

**VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

**BÙI SƠN HÀ**

**TỘI CHỐNG NGƯỜI THI HÀNH CÔNG VỤ  
THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ  
THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**Hà Nội - 2017**

**VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

**BÙI SƠN HÀ**

**TỘI CHỐNG NGƯỜI THI HÀNH CÔNG VỤ  
THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ  
THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Chuyên ngành: Luật hình sự và tổ tụng hình sự**

**Mã số : 60.38.01.04**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC  
TS. ĐẶNG QUANG PHƯƠNG**

**Hà Nội - 2017**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>Chương 1 : NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI CHỐNG NGƯỜI THI HÀNH CÔNG VỤ</b> .....	7
1.1. Những vấn đề lý luận về tội chống người thi hành công vụ .....	7
1.2. Pháp luật hình sự Việt Nam về tội chống người thi hành công vụ .....	22
<b>Chương 2: THỰC TIỄN ÁP DỤNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI CHỐNG NGƯỜI THI HÀNH CÔNG TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH</b> .....	30
2.1. Định tội danh chống người thi hành công vụ .....	31
2.2. Quyết định hình phạt đối với tội chống người thi hành công vụ .....	37
2.3. Những vi phạm, sai lầm trong thực tiễn định tội danh, quyết định hình phạt đối với tội chống người thi hành công vụ tại Thành phố Hồ Chí Minh và nguyên nhân .....	48
<b>Chương 3: CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ TỘI CHỐNG NGƯỜI THI HÀNH CÔNG VỤ</b> .....	57
3.1. Hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về tội chống người thi hành công vụ .....	57
3.2. Hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự về tội chống người thi hành công vụ .....	59
3.3. Tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về tội chống người thi hành công vụ .....	62
3.4. Nâng cao năng lực của cán bộ áp dụng pháp luật hình sự về tội chống người thi hành công vụ .....	64
3.5. Các giải pháp khác .....	66
<b>KẾT LUẬN</b> .....	72
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	74

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

<b>BLHS:</b>	Bộ luật hình sự
<b>BLTTHS:</b>	Bộ luật tố tụng hình sự
<b>CTTP:</b>	Cấu thành tội phạm
<b>CHXHCN:</b>	Cộng hòa xã hội chủ nghĩa
<b>QĐHP:</b>	Quyết định hình phạt
<b>QPPL:</b>	Quy phạm pháp luật
<b>HĐTP:</b>	Hội đồng thẩm phán
<b>THTT:</b>	Tiến hành tố tụng
<b>TAND:</b>	Tòa án nhân dân
<b>TNHS:</b>	Trách nhiệm hình sự
<b>VKSND:</b>	Viện kiểm sát nhân dân

## DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

<b>Số hiệu bảng</b>	<b>Tên bảng</b>	<b>Trang</b>
Bảng 2.1	Tổng hợp tình hình tội chống người thi hành công vụ tại Thành phố Hồ Chí Minh (từ năm 2012 đến năm 2016)	37
Bảng 2.2	Thống kê số bị can phạm tội theo Điều 257 BLHS tại Thành phố Hồ Chí Minh	44

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Xã hội ngày càng phát triển kéo theo những tác động của nền kinh tế thị trường, với những mặt tiêu cực vốn có đã làm ảnh hưởng tới nhiều khía cạnh của cuộc sống. Nền kinh tế phát triển, xu hướng hội nhập quốc tế kéo theo sự du nhập của các nền văn hóa mới, luồng tư tưởng mới, lối sống mới đã và đang là điều kiện làm gia tăng tội phạm các loại. Tình hình tội phạm trên địa bàn cả nước ngày càng có xu hướng gia tăng về số lượng, phức tạp và tinh vi hơn về thủ đoạn và hình thức. Song song với thực trạng đó thì luật pháp - cán cân công lý luôn bám sát tình hình tội phạm và có những quy định, những sửa đổi phù hợp nhằm đạt được hiệu quả phòng chống, ngăn ngừa và trừng trị thích đáng. Hỗ trợ và đưa pháp luật đi vào đời sống một cách nhanh chóng và công bằng nhất là đội ngũ những người thực thi pháp luật hay còn gọi là người thi hành công vụ, nhưng tại một thời điểm nào đó, chính những “người thi hành công vụ” cũng là đối tượng hướng đến của tội phạm. Pháp luật bị vi phạm, người thực thi pháp luật bị xâm hại và đó cũng chính là lúc sự răn đe, ngăn ngừa, phòng chống, sự nghiêm trị từ những quy định của pháp luật cần được đề cao. Tội chống người thi hành công vụ được quy định tại Điều 257 của BLHS năm 1999, là một trong những chế tài hình sự nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người thi hành công vụ cũng như răn đe và trừng phạt những hành vi chống người thi hành công vụ.

Khoa học pháp lý hình sự cho đến nay, đã chỉ ra rằng, có hai hướng đấu tranh với tội phạm. Hướng thứ nhất là đấu tranh bằng pháp luật hình sự mà cơ sở lý luận của nó là những khoa học pháp lý quy phạm, trong đó và trước hết phải kể đến khoa học luật hình sự. Hướng thứ hai là đấu tranh bằng các biện pháp phòng ngừa với cơ sở lý luận là tội phạm học. Đề tài được chọn ở đây đi theo hướng thứ nhất. Vì thế, vấn đề quy định như thế nào về tội chống người thi hành

công vụ và việc áp dụng đúng quy định đó trong thực tế luôn luôn đòi hỏi sự nghiên cứu để hoàn thiện. Việc nghiên cứu này có nhiều cách, song cách tiến hành trên cơ sở thực tiễn ở một đơn vị hành chính lãnh thổ cấp huyện, cấp tỉnh hay trên phạm vi toàn quốc là cách hứa hẹn hiệu quả thiết thực. Với cách tư duy đó, đề tài: “*Tội chống người thi hành công vụ từ thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh*” đã được lựa chọn để nghiên cứu.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Để thực hiện đề tài đã nêu, các công trình khoa học sau đây đã được nghiên cứu, tham khảo:

### ***2.1. Những công trình khoa học giữ vai trò là lý luận chung của đề tài***

Thuộc vào những công trình khoa học loại này gồm:

- Võ Khánh Vinh (2013), *Giáo trình Lý luận chung về định tội danh*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội;

- Võ Khánh Vinh (chủ biên) (2014), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam – Phần chung*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội;

- Võ Khánh Vinh (2014), *Luật hình sự Việt Nam – Phần các tội phạm (Giáo trình sau đại)*, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội;

- “Tội phạm học, Luật Hình sự, Luật tố tụng hình sự Việt Nam” (1994), *Nxb Chính trị quốc gia*;

Nguyễn Ngọc Hòa (1995), “*Quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*”, Nxb Chính trị quốc gia;

Đình Văn Quế (2000), “*Tìm hiểu về hình phạt và quyết định hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam*”, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Cao Thị Oanh (chủ biên) (2010), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam – Phần chung*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

Cao Thị Oanh (chủ biên) (2010), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam – các tội phạm*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

## **2.2. Những công trình có liên quan trực tiếp đến đề tài**

- Dấu hiệu “Chống người thi hành công vụ trong Luật hình sự Việt Nam” của tác giả Nguyễn Anh Thu – Khoa luật Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2012;

- Đấu tranh với tội phạm chống người thi hành công vụ: thực trạng, nguyên nhân và giải pháp của tác giả Hồ Thế Hòe trên báo Nhà nước và Pháp luật số 7/2011;

- Đấu tranh với tình hình tội phạm chống người thi hành công vụ ở nước ta hiện nay của Phạm Văn Tĩnh và Đào Bá Sơn;

- Luận văn thạc sỹ: “Đấu tranh phòng, chống tội phạm chống người thi hành công vụ” của tác giả Lê Thế Tiệm – Đại học Luật Hà Nội năm 1994;

- Luận văn thạc sỹ: Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động phòng, chống tội phạm chống người thi hành công vụ trong lĩnh vực giải phóng mặt bằng của lực lượng cảnh sát nhân dân tại Thành phố Hồ Chí Minh;

- Khóa luận tốt nghiệp: Tội chống người thi hành công vụ - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn của tác giả Nguyễn Thị Nhàn – Đại học Luật Hà Nội năm 2010;

- Khóa luận tốt nghiệp: Tình hình tội chống người thi hành công vụ ở Việt Nam giai đoạn 2006 – 2010 của tác giả Nguyễn Thị Bích Ngọc – Đại học Luật Hà Nội năm 2011;

- Luận văn thạc sỹ: “Tội chống người thi hành công vụ trên địa bàn Thành phố Hà Nội” Hà Thương Huyền, Học viện Khoa học xã hội năm 2014;

- Luận văn thạc sỹ: “Tội chống người thi hành công vụ theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn Thành phố Hà Nội” Lê Đức Sơn, Học viện khoa học xã hội năm 2016;

Các tài liệu trên rất có giá trị tham khảo và kế thừa để đề tài thực hiện những nhiệm vụ của mình.

## **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**



### **3.1. Mục đích nghiên cứu**

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, pháp luật và phân tích thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về *tội chống người thi hành công vụ tại Thành phố Hồ Chí Minh* giai đoạn 2012-2016, phân tích tính hợp lý hoặc chưa hợp lý của Điều luật hiện hành trong thể so sánh với Điều luật mới sửa đổi về tội danh mà đề tài đề cập, kiến nghị giải pháp áp dụng quy định của pháp luật hình sự đáp ứng yêu cầu của Nhà nước pháp quyền XHCN.

### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

- Làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và pháp luật về tội chống người thi hành công vụ theo pháp luật hình sự Việt Nam, có sử dụng phương pháp nghiên cứu lịch sử;

- Phân tích đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định về tội chống người thi hành công vụ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2012-2016 trên cơ sở hướng dẫn lý luận về định tội danh và quyết định hình phạt;

- Kiến nghị giải pháp bảo đảm áp dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự về tội chống người thi hành công vụ tại Thành phố Hồ Chí Minh.

## **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đề tài phải nghiên cứu cả mặt lý luận, pháp luật và thực hiện việc phân tích, đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định về tội chống người thi hành công vụ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2012-2016 để làm rõ “*đối tượng nghiên cứu là xác định sự phù hợp giữa quy định của pháp luật hình sự với bản chất pháp lý của hành vi chống người thi hành công vụ diễn ra trên thực tế tại Thành phố Hồ Chí Minh*”.

### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

- Về nội dung, đề tài được thực hiện trong phạm vi chuyên ngành Luật hình sự và Tố tụng hình sự;

- Về địa bàn, đề tài được thực hiện trong phạm vi Thành phố Hồ Chí Minh;

- Về thời gian, đề tài nghiên cứu số liệu thực tế trong giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2016, gồm số liệu thống kê xét xử hình sự của TAND hai cấp Thành phố Hồ Chí Minh và 100 bản án hình sự sơ thẩm;

- Về tội danh, đề tài nghiên cứu tội chống người thi hành công vụ được quy định tại Điều 257 BLHS năm 1999. Giới hạn nghiên cứu của luận văn: Nghiên cứu thực tiễn định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội chống người thi hành công vụ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

## **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

### **5.1. Cơ sở phương pháp luận**

Luận văn được nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về vấn đề tội phạm và hình phạt nói chung.

### **5.2. Các phương pháp nghiên cứu**

Đề tài luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: Phương pháp biện chứng; lô gích; lịch sử; kế thừa; phân tích; tổng hợp; hệ thống; thống kê; phương pháp so sánh; đối chiếu; phân tích quy phạm pháp luật, khảo sát thực tiễn; nghiên cứu các bản án điển hình. Trong quá trình thực hiện, các phương pháp này được áp dụng đan xen lẫn nhau một cách linh hoạt để luận chứng các vấn đề khoa học và thực tiễn cần nghiên cứu của đề tài.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn**

- Ý nghĩa về mặt lý luận: Kết quả nghiên cứu của luận văn góp phần hoàn thiện lý luận về tội phạm và hình phạt đối với tội chống người thi hành công vụ.

- Ý nghĩa về mặt thực tiễn: Những kết quả nghiên cứu đạt được của luận văn có thể tham khảo để phục vụ cho hoạt động thực tiễn áp dụng đúng các quy

định trong BLHS Việt Nam đối với tội chống người thi hành công vụ, góp phần nâng cao năng lực của cán bộ áp dụng pháp luật hình sự, đưa ra các giải pháp mới góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm này.

## **7. Cơ cấu**

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận văn được kết cấu thành 03 chương, cụ thể như sau:

**Chương 1:** Những vấn đề lý luận và pháp luật hình sự về tội chống người thi hành công vụ.

**Chương 2:** Thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật hình sự về tội chống người thi hành công vụ tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**Chương 3:** Các giải pháp đảm bảo áp dụng đúng các quy định của pháp luật về tội chống người thi hành công vụ.

## Chương 1

### NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI CHỐNG NGƯỜI THI HÀNH CÔNG VỤ

#### 1.1. Những vấn đề lý luận về tội chống người thi hành công vụ

##### *1.1.1. Khái niệm và các dấu hiệu pháp lý của tội chống người thi hành công vụ*

###### *1.1.1.1. Khái niệm tội chống người thi hành công vụ*

Công vụ là khái niệm phức tạp, đến nay ở nước ta chưa có một văn bản QPPL nào đưa ra cách hiểu thống nhất về công vụ.

Mặc dù BLHS và các văn bản pháp luật khác không có khái niệm giải thích trường hợp nào gọi là thi hành công vụ, nhưng tại Nghị quyết số 04/HĐTP ngày 29/11/1986 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS năm 1985, đã hướng dẫn: “người thi hành công vụ là người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan nhà nước hoặc tổ chức xã hội thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình và cũng có thể là những công dân được huy động làm nhiệm vụ (như: Tuần tra, canh gác...) theo kế hoạch của cơ quan có thẩm quyền, phục vụ lợi ích chung của nhà nước, của xã hội”. Mặt khác tại khoản 1 Điều 3 Luật Trách nhiệm bồi thường nhà nước ban hành ngày 16 tháng 6 năm 2009 quy định: “người thi hành công vụ là người được bầu cử, phê chuẩn, tuyển dụng hoặc bổ nhiệm vào một vị trí trong cơ quan nhà nước để thực hiện nhiệm vụ quản lý hành chính, tổ tụng, thi hành án hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ có liên quan đến hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng, thi hành án” [11, Điều 3].

Tại Nghị định 208/2013/NĐ ngày 17/12/2013 của Chính phủ giải thích tại khoản 1 Điều 3 Chương 1 như sau: “Người thi hành công vụ là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân được cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ, quyền

hạn theo quy định của pháp luật và được pháp luật bảo vệ nhằm phục vụ lợi ích của Nhà nước, nhân dân và xã hội”.

- Khi xã hội phát triển đến một mức độ nào đó, các QHXX ngày một phức tạp, thì tất yếu sẽ có những hành vi chống người thi hành công vụ của những người muốn lựa chọn cách thức thỏa mãn nhu cầu trái với lợi ích của toàn xã hội. Qua nghiên cứu, hành vi chống người thi hành công vụ tuy đa dạng nhưng đều có những đặc điểm như sau:

*Thứ nhất*, đó là hành vi nguy hiểm cho xã hội, hành vi lệch chuẩn vì chủ thể của hành vi đã thực hiện điều nhà nước, pháp luật ngăn cấm;

*Thứ hai*, hành vi chống người thi hành công vụ xâm hại tới nhiều quan hệ xã hội được nhà nước, pháp luật bảo vệ;

*Thứ ba*, hành vi chống người thi hành công vụ được thực hiện với lỗi cố ý và với những động cơ, mục đích khác nhau.

*Thứ tư*, các hình thức của hành vi chống người thi hành công vụ rất đa dạng, tất cả những động cơ, mục đích trên đều được thể hiện thông qua những hành vi sau: Chống đối; cản trở; uy hiếp và đe dọa;

*Thứ năm*, chủ thể của hành vi chống người thi hành công vụ là bất kì ai mà quyền lợi của họ bị hạn chế bởi người thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ, hoặc họ là người đang bảo vệ một lợi ích bất hợp pháp tránh khỏi sự can thiệp của những người thực thi công vụ.

Từ các phân tích trên, có thể khẳng định rằng: “*Chống người thi hành công vụ là hành vi chống đối, cản trở, đe dọa, uy hiếp người thi hành công vụ xảy ra trước, trong hoặc sau khi người thi hành công vụ thực hiện công vụ bằng thủ đoạn dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc các thủ đoạn khác nhằm cản trở người thi hành công vụ thực hiện nhiệm vụ, trả thù người thi hành công vụ, đe dọa người khác hoặc để ép buộc người thi hành công vụ thực hiện hành vi trái pháp luật*”.

Người thi hành công vụ phải là cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội hoặc cũng có thể là một công dân bất kỳ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền huy động, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ.

- Về phạm vi nhiệm vụ thực hiện: Chỉ có thể được coi là thi hành công vụ khi công việc mà họ làm phải là thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước, các tổ chức nhằm phục vụ lợi ích chung của nhà nước, của xã hội. Tóm lại, thi hành công vụ tức là làm nhiệm vụ công (vì lợi ích chung của nhà nước, của xã hội).

Hành vi chống người thi hành công vụ là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong quản lý hành chính. Trước khi có BLHS đầu tiên (BLHS năm 1985), hành vi chống người thi hành công vụ được quy định trong Sắc luật 03 năm 1976 là một dạng hành vi thuộc nhóm tội xâm phạm trật tự công cộng. Trong BLHS năm 1985, tội chống người thi hành công vụ được quy định là một tội thuộc chương “các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng và trật tự quản lý hành chính”. BLHS năm 1999 quy định các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính thành một chương riêng trong đó có tội chống người thi hành công vụ [16, tr.44].

Khoản 1 Điều 257 BLHS năm 1999 quy định: “Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ của họ hoặc ép buộc họ thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

Từ quy định trên có thể khẳng định: Tội chống người thi hành công vụ được hiểu là hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác nhằm cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ của họ hoặc ép buộc họ thực hiện hành vi trái pháp luật. Như vậy, tội chống người thi hành công vụ là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm hoạt động bình thường của cơ quan, tổ

chức trong quản lý hành chính, được thực hiện dưới hai hình thức: Cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ của họ, làm cho họ không hoàn thành được công vụ hoặc gặp khó khăn, trở ngại khi thi hành công vụ; cưỡng ép người thi hành công vụ thực hiện hành vi trái pháp luật. Hai hình thức này đều được thực hiện bởi các thủ đoạn: Dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực tác động lên thân thể, lên đồ vật, phương tiện của người thi hành công vụ hoặc các thủ đoạn khác tạo ra sự uy hiếp về tinh thần, tổn hại về danh dự, nhân phẩm, đưa vào tình trạng không thể kháng cự được... Tính nguy hiểm của hành vi ở chỗ: Vừa xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, tinh thần của người thi hành công vụ, vừa làm cho hoạt động công vụ bị đình trệ, không thực hiện được hoặc thực hiện bị sai phạm, trật tự quản lý hành chính của Nhà nước bị xâm phạm, hiệu lực quản lý Nhà nước bị suy giảm.

Các hành vi nêu trên được thực hiện một cách cố ý. Người thực hiện hành vi có đủ năng lực TNHS, có hiểu biết về lĩnh vực công vụ liên quan đến họ và biết người mà họ chống đang thi hành công vụ. Họ nhận thức được hành vi của mình làm cho việc thi hành công vụ gặp khó khăn hoặc không thực hiện được. Do đó, hành vi của họ là hành vi cố ý trực tiếp.

Từ các phân tích trên có thể đưa ra khái niệm: Tội chống người thi hành công vụ là hành vi nguy hiểm cho xã hội được thực hiện dưới các hình thức dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ của họ hoặc ép buộc người thi hành công vụ thực hiện hành vi trái pháp luật; xâm phạm trật tự quản lý hành chính và hoạt động đúng đắn của các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội; do người từ đủ 16 tuổi trở lên có năng lực TNHS thực hiện một cách cố ý và được quy định tại Điều 257 BLHS.

Trong BLHS đầu tiên của nước ta năm 1985, tội chống người thi hành công vụ được quy định tại chương VIII: Các tội xâm phạm an toàn trật tự công cộng và trật tự quản lý hành chính, mục C, Điều 205 như sau:

“Người nào dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực chống người thi hành công vụ cũng như dùng mọi thủ đoạn ép họ thực hiện những hành vi trái pháp luật, nếu không thuộc trường hợp quy định ở Điều 101 và Điều 109, hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác...”

Trên cơ sở kế thừa tư tưởng của BLHS 1985, BLHS 1999 đã quy định tội chống người thi hành công vụ tại Điều 257, chương XX: Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính. BLHS 1999 quy định nhóm các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính thành một chương riêng là sửa đổi mang tính tích cực so với BLHS 1985. Việc quy định như vậy đã cụ thể hơn, rõ ràng hơn, thể hiện đầy đủ tính chất nguy hiểm của các tội phạm này, từ đó đề ra đường lối xử lý phù hợp hơn, tương ứng với tính chất của nhóm tội phạm.

Điều 257 BLHS 1999 quy định:

1. “Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ của họ hoặc ép buộc họ thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”...

Qua đó, có thể hiểu tội chống người thi hành công vụ là hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng các thủ đoạn khác nhằm cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ của họ cũng như ép buộc họ phải thực hiện hành vi trái pháp luật, gây trở ngại cho hoạt động; xâm phạm trật tự quản lý hành chính và hoạt động đúng đắn của các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội; do người từ đủ 16 tuổi trở lên có năng lực TNHS thực hiện một các cố ý và được quy định tại Điều 257 BLHS năm 1999.

*1.1.1.2. Các dấu hiệu pháp lý tội chống người thi hành công vụ*

Điều 257. Tội chống người thi hành công vụ



*Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ của họ hoặc ép buộc họ thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.*

*Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:*

*Có tổ chức;*

*Phạm tội nhiều lần;*

*Xúi giục, lôi kéo, kích động người khác phạm tội;*

*Gây hậu quả nghiêm trọng;*

*đ) Tái phạm nguy hiểm.*

Định nghĩa: Chống người thi hành công vụ là hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ của họ hoặc ép buộc họ thực hiện hành vi trái pháp luật.

a) Khách thể của tội chống người thi hành công vụ

Khách thể của tội phạm là những quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ và bị tội phạm xâm hại.

Tội chống người thi hành công vụ là một trong những tội xâm phạm đến hoạt động bình thường của nhà nước và xã hội trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước. Do vậy, nhóm các quan hệ xã hội bị hành vi chống người thi hành công vụ xâm hại các quan hệ phát sinh trong lĩnh vực quản lý hành chính. Đó có thể là các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình các cơ quan hành chính nhà nước thực hiện hoạt động chấp hành, điều hành trên các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Nhưng cũng có thể là các quan hệ hình thành trong quá trình các cơ quan nhà nước xây dựng và củng cố chức năng, nhiệm vụ của mình, hay các quan hệ phát sinh trong quá trình các cá nhân và tổ chức được nhà nước trao quyền thực hiện hoạt động quản lý hành chính nhà nước trong những trường hợp cụ thể do pháp luật quy định. Ví dụ: Quan hệ phát sinh trong lĩnh vực giữ gìn trật

tự đường phố trên địa bàn các xã, phường mà nhà nước trao cho các đội quản lý trật tự, tổ dân phòng quản lý.

Đối tượng tác động của tội phạm là bộ phận của khách thể bị hành vi phạm tội tác động của tội chống người thi hành công vụ là người thi hành công vụ. Trong thực tiễn, tội phạm thường có hành vi chống người thi hành công vụ là cán bộ thuế vụ, cảnh sát giao thông, đội viên dân phòng, cán bộ công an, kiểm sát, tòa án và các cán bộ chính quyền địa phương khác.

b) Mặt khách quan của tội chống người thi hành công vụ

Mặt khách quan của tội phạm bao gồm những biểu hiện của tội phạm diễn ra hoặc tồn tại bên ngoài thế giới khách quan. Thông qua những biểu hiện đó mà con người có thể trực tiếp nhận biết được tội phạm. Đó là:

Hành vi nguy hiểm cho xã hội.

Hậu quả nguy hiểm cho xã hội và mối quan hệ giữa hành vi và hậu quả.

- Các điều kiện bên ngoài của việc thực hiện hành vi phạm tội (thời gian, địa điểm...) và công cụ, phương tiện, thủ đoạn...

Theo Điều 257 BLHS 1999, hành vi chống người thi hành công vụ được biểu hiện tập trung ở những dạng hành vi sau:

*\* Hành vi dùng vũ lực chống người thi hành công vụ*

Dùng vũ lực chống người thi hành công vụ là hành vi dùng sức mạnh vật chất tấn công người đang thi hành công vụ nhằm cản trở người thi hành công vụ. Hành vi dùng vũ lực có thể bằng chân, tay để đấm, đá, trói hoặc cũng có thể thông qua công cụ, phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội như: Con dao, cây gậy.

*\* Hành vi đe dọa dùng vũ lực chống lại người đang thi hành công vụ*

“Hành vi đe dọa dùng vũ lực chống lại người thi hành công vụ là việc dùng cử chỉ, lời nói có tính răn đe, uy hiếp tinh thần khiến cho người thi hành

công vụ sợ hãi phải chấm dứt việc thi hành công vụ... Sự đe dọa là thực tế và có cơ sở để người bị đe dọa tin rằng lời đe dọa sẽ biến thành hiện thực”.

*\* Hành vi ép buộc người thi hành công vụ phải thực hiện hành vi trái pháp luật*

Ép buộc người thi hành công vụ phải thực hiện hành vi trái pháp luật là hành vi chống chế người thi hành công vụ phải làm những việc trái với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của họ (như: Buộc phải trả lại tang vật phạm pháp, hủy hóa đơn xử phạt) hoặc không làm những việc thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của họ (như: Để xe chở hàng lậu đi qua trạm gác...)

*\* Dùng thủ đoạn khác cản trở người thi hành công vụ*

Qua nghiên cứu thực tiễn đã chứng minh các dạng hành vi chống người thi hành công vụ hết sức phức tạp với nhiều thủ đoạn khác nhau. Bởi vậy mà một điều luật trong phạm vi giới hạn của nó không thể liệt kê được đầy đủ tất cả thủ đoạn đó. Tuy nhiên, để đảm bảo việc xử lý nghiêm minh mọi vi phạm pháp luật, đặc biệt là hành vi phạm tội thì cần phải được quy định trong BLHS và các văn bản hướng dẫn thi hành. Xuất phát từ quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về sự vận động không ngừng của thế giới vật chất nói chung cũng như sự vận động của tội phạm nói riêng, các nhà làm luật đã đưa ra quy định chung có thể coi là một dạng của hành vi chống người thi hành công vụ: “Thủ đoạn khác cản trở người thi hành công vụ”, để đáp ứng yêu cầu xử lý tội phạm trong thực tiễn. Đây là điểm mới bổ sung so với BLHS 1985 về CTTP nhằm mô tả bao quát đầy đủ hơn các dạng hành vi phạm tội trong thực tế. “Dùng thủ đoạn khác như các dạng hành vi đã phân tích ở trên nhưng không phải là những hành vi đó. Ví dụ như: Bôi nhọ, vu khống (cởi bỏ quần áo trước người đang thi hành công vụ, vu khống cán bộ đòi hối lộ hay quan hệ tình dục, tự gây thương tích hoặc giả gây thương tích để vu khống cho cán bộ hành hung, hoặc sử dụng súc vật để cản trở việc thi hành công vụ như việc đuổi chó ra cắn chiến sĩ công an đến bắt người...)

Các dạng hành vi khách quan của tội chống người thi hành công vụ biểu hiện rất phức tạp trên thực tế. Việc xem xét để đánh giá đúng mức độ để truy cứu TNHS hoặc áp dụng các biện pháp xử lý khác nhiều khi rất khó khăn. Theo quy định tại Điều 257 khoản 1 BLHS tội phạm được coi là hoàn thành kể từ khi người phạm tội đã thực hiện một trong các hành vi kể trên.

c) Chủ thể của tội chống người thi hành công vụ

Để trở thành chủ thể của tội phạm thì họ phải là người có năng lực TNHS, đạt độ tuổi luật định và đã thực hiện hành vi phạm tội. Khoản 2 Điều 12 BLHS quy định về độ tuổi chịu TNHS: Người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu TNHS về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng”.

Theo quy định của BLHS, tội chống người thi hành công vụ có thể là bất kỳ người nào từ đủ 16 tuổi trở lên có năng lực TNHS thực hiện, không mắc bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình. Đây cũng là những cơ sở pháp lý quan trọng và cần thiết phù hợp với tình hình xã hội để cơ quan chức năng thực hiện nhiệm vụ của mình trong thực tiễn xét xử khi những hành vi chống người thi hành công vụ đang xảy ra ngày càng nhiều, các hành vi có sự đa dạng, phức tạp, nhiều thủ đoạn tinh vi và các đối tượng thực hiện tội phạm ngày một trẻ hóa về độ tuổi.

d) Mặt chủ quan của tội chống người thi hành công vụ

Xét về lý luận thì tội phạm là một thể thống nhất giữa mặt chủ quan và khách quan. Mặt khách quan là biểu hiện bên ngoài của tội phạm mà ta có thể nhận biết được. Mặt chủ quan là biểu hiện tâm lý bên trong của người phạm tội. Với ý nghĩa là một mặt của hiện tượng thống nhất, mặt chủ quan của tội phạm không tồn tại độc lập mà nó luôn gắn liền với mặt khách quan của tội phạm. Thông qua mặt khách quan ta có thể đánh giá nhận biết được thái độ chủ quan

của người phạm tội. Những hoạt động tâm lý đó bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

Lý trí và ý chí của người phạm tội đối với những biểu hiện bên ngoài của tội phạm như thế nào (lỗi).

Điều gì thúc đẩy người đó thực hiện hành vi phạm tội (động cơ).

Người phạm tội nhằm đạt được điều gì qua việc thực hiện hành vi gây nguy hiểm cho xã hội (mục đích).

Trong các nội dung biểu hiện của mặt chủ quan thì lỗi là biểu hiện cơ bản được phản ánh trong tất cả các CTTP. Nó có ý nghĩa quyết định trong việc xác định TNHS của một người. Mục đích và động cơ tuy là dấu hiệu của mặt chủ quan nhưng không phải là dấu hiệu luôn có ý nghĩa quyết định đối với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. Ở tội chống người thi hành công vụ, động cơ và mục đích là dấu hiệu để phân biệt tội phạm này với một số tội phạm khác.

### ***1.1.2. Phân biệt tội chống người thi hành công vụ với một số tội khác có liên quan***

Trong một số trường hợp hành vi phạm tội thỏa mãn hầu hết các CTTP nhiều tội danh cùng một lúc, dẫn đến dễ gây nhầm lẫn trong việc định tội danh đối với hành vi đó. Việc định tội danh sai sẽ dẫn đến nhiều hậu quả nghiêm trọng như đánh giá tính chất nguy hiểm của hành vi đó không đúng dẫn tới QĐHP không tương xứng với hành vi (quá nặng hoặc quá nhẹ). Vì vậy việc phân biệt sự khác biệt trong CTTP giữa các tội danh là rất quan trọng.

#### **1.1.2.1. Phân biệt tội chống người thi hành công vụ với tội giết người**

Theo quy định Khoản 1 Điều 93 BLHS quy định: 1. Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình. d) Giết người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân;

Giết người đang thi hành công vụ và vì lý do công vụ của nạn nhân là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt của tội giết người. Giết người trong trường hợp này là hành vi tước đoạt quyền sống của người đang thi hành công vụ hoặc tước đoạt quyền sống của người có trách nhiệm khi người đó chưa thi hành công vụ hoặc sau khi người đó thi hành công vụ.

Hai tội đều có khách thể bị xâm phạm là việc thực hiện nhiệm vụ của những người thi hành công vụ, qua đó tác động đến việc thực hiện nhiệm vụ công và có cấu thành hình thức, chỉ cần có hành vi khách quan không nhất thiết phải có hậu quả xảy ra.

Tội giết người lỗi của tội này là lỗi cố ý hoặc lỗi vô ý, còn tội chống người thi hành công vụ chỉ có phạm tội vì lỗi cố ý. Tuy nhiên ở tội chống người thi hành công vụ việc tước đoạt tính mạng của người thi hành công vụ không phải mục đích của người phạm tội. Như vậy một người có các hành vi khách quan được mô tả tại Điều 257 nhưng có mục đích giết người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ thì sẽ bị truy cứu TNHS về tội giết người theo Điều 93 khoản 1 điểm d. Hoặc cũng có thể người phạm tội ban đầu có mục đích chống người thi hành công vụ nhưng trong khi phạm tội lại dẫn đến xâm hại đến tính mạng của người thi hành công vụ thì lúc này hành vi phạm tội lại chuyển hóa từ hành vi chống người thi hành công vụ sang hành vi giết người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân.

Thời điểm người phạm tội thực hiện tội phạm theo Điều 257 luôn là trong khi người thi hành công vụ đang thực hiện công vụ, còn theo điểm d khoản 1 Điều 93 BLHS thì hành vi phạm tội có thể xảy ra trước, trong và sau khi người thi hành công vụ thực thi công vụ [17. Tr. 32-36]. Người phạm tội không phải trong lúc người thi hành công vụ đang thực thi công vụ thì phải có mục đích rõ ràng là vì lý do công vụ của nạn nhân. Khi giết người vì lý do công vụ nạn nhân trước khi nạn nhân thực thi công vụ thì có thể mục đích để cản trở ngăn cản không cho người đó thi hành công vụ, còn khi nạn nhân đã thực hiện xong công

vụ thì người phạm tội còn mục đích khác là trả thù người thi hành công vụ khi người thi hành công vụ đã thi hành công vụ.

Chủ thể phạm tội ở tội chống người thi hành công vụ là người có năng lực TNHS và đạt độ tuổi luật định tức là từ đủ 16 tuổi trở lên. Tội giết người chủ thể của tội phạm là người có năng lực TNHS và từ đủ 14 tuổi trở lên.

Xác định tư cách tham gia tố tụng của người thi hành công vụ trong hai tội này cũng khác nhau hẳn. Ở tội chống người thi hành công vụ thì người thi hành công vụ tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Nhưng theo điểm d khoản 1 Điều 93 thì người thi hành công vụ là người bị xâm hại trực tiếp đến tính mạng nên tham gia tố tụng với tư cách là người bị hại.

#### ***1.1.2.2. Phân biệt tội chống người thi hành công vụ với tội vô ý làm chết người***

Theo quy định tại Điều 98 BLHS Việt Nam năm 1999, tội vô ý làm chết người được hiểu là trường hợp “hành vi vô ý của một người làm cho người khác bị chết”, hành vi của một người không thấy trước được hành vi của mình có khả năng gây ra chết người mặc dù phải thấy trước và có thể thấy trước hành vi của mình có thể gây ra chết người nhưng tin rằng hậu quả đó không xảy ra. Tội phạm được thực hiện bởi hình thức lỗi vô ý, bao gồm cả lỗi vô ý do cẩu thả và vô ý vì quá tự tin và được thực hiện bởi bất kỳ người nào có đủ năng lực TNHS, đạt độ tuổi theo luật định.

Điều 98 BLHS năm 1999 quy định: Tội vô ý làm chết người

1. Người nào vô ý làm chết người thì bị phạt tù từ sáu tháng đến năm năm.
2. Phạm tội làm chết nhiều người thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm.

Khách thể của tội phạm này trực tiếp xâm phạm quyền sống của con người; đối tượng tác động của tội này là thân thể con người đang sống một cách bình thường.

Chủ thể của tội là những người có năng lực TNHS và đủ tuổi chịu TNHS thực hiện.

- Về khách quan, người phạm tội có những hành vi tương tự hành vi của tội giết người; hậu quả xảy ra, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả cũng tương tự như đối với tội giết người.

Giữa tội chống người thi hành công vụ và tội vô ý làm chết người có những điểm giống nhau như sau:

Tội được thực hiện bởi hình thức lỗi vô ý, bao gồm cả lỗi vô ý do cấu thả và vô ý vì quá tự tin.

Tuy nhiên, giữa hai tội có một số điểm khác nhau như sau:

+ *Tội chống người thi hành công vụ* : Căn cứ tại Điều 257 BLHS năm 1999 quy định tội chống người thi hành công vụ như sau:

Hành vi khách quan

Người phạm tội chống người thi hành công vụ có thể thực hiện một trong các hành vi khách quan như: Dùng vũ lực đối với người thi hành công vụ; đe dọa dùng vũ lực đối với người thi hành công vụ; dùng thủ đoạn ép buộc người thi hành công vụ thực hiện hành vi trái pháp luật.

Hành vi dùng vũ lực là hành vi (hành động) mà người phạm tội đã thực hiện, tác động vào cơ thể của người thi hành công vụ như: đâm, đá, đẩy, bóp cổ, trói, bắn, đâm, chém... Nói một cách khái quát là hành vi dùng sức mạnh vật chất nhằm vào cơ thể người thi hành công vụ nhằm làm cho họ bị đau đớn mà không thực hiện được nhiệm vụ của mình. Tuy nhiên, hành vi dùng vũ lực đối với người thi hành công vụ có thể làm cho người thi hành công vụ bị thương, bị tổn hại đến sức khỏe, nhưng chưa gây ra thương tích đáng kể (không có tỷ lệ thương tật). Nếu hành vi dùng vũ lực đã gây ra thương tích cho người thi hành công vụ, có tỷ lệ thương tật hoặc gây ra cho người thi hành công vụ bị chết, thì tùy trường hợp cụ thể mà người phạm tội bị truy cứu TNHS về tội cố ý gây thương tích, gây



tổn hại cho sức khỏe của người khác theo Điều 104 hoặc tội giết người theo Điều 93 BLHS năm 1999, với tình tiết là yếu tố định khung hình phạt “để cản trở người thi hành công vụ” hoặc “giết người đang thi hành công vụ”.

Tội phạm hoàn thành khi người phạm tội có một trong những hành vi nêu trên để ngăn cản người thi hành công vụ thực hiện công vụ của mình hoặc buộc người thi hành công vụ thực hiện hành vi trái pháp luật. Việc thi hành công vụ có nghe theo yêu cầu của người phạm tội hay không có ý nghĩa định tội.

Hành vi chống người thi hành công vụ nếu gây thương tích hoặc làm chết cán bộ thi hành công vụ thì người phạm tội còn có thể bị truy cứu TNHS về các tội phạm tại Chương XII BLHS (tội cố ý gây thương tích, tội giết người...).

+ *Tội vô ý làm chết người*: Tội phạm này trực tiếp xâm phạm quyền sống của con người.

Hành vi vi phạm các quy tắc nhằm bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe cho con người. Đó là những quy tắc về bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe trong các lĩnh vực sinh hoạt và hoạt động khác nhau của đời sống xã hội. Những quy tắc này mang tính chất chung.

Hậu quả của hành vi này là vi phạm các quy tắc bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe trong các lĩnh vực sinh hoạt và hoạt động khác nhau của đời sống xã hội, gây ra hậu quả chết người. Đây là dấu hiệu bắt buộc của CTTP này.

Mối quan hệ nhân quả thể hiện ở chỗ hành vi vi phạm các quy tắc nói trên đã gây ra hậu quả chết người.

### ***1.1.2.3. Phân biệt tội chống người thi hành công vụ với tội vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính***

Theo quy định tại Điều 99 BLHS, tội phạm này được hiểu là hành vi vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính. Không thấy trước được hành vi của mình có khả năng gây ra chết người mặc dù phải thấy trước và có thể thấy trước hành vi của mình có thể gây ra chết người nhưng

tin rằng hậu quả đó không xảy ra. Đây là trường hợp đặc biệt của tội vô ý làm chết người.

Giữa tội chống người thi hành công vụ và tội vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính có những điểm giống nhau như sau:

- Chủ thể của tội phạm là những người có năng lực TNHS và đủ tuổi chịu TNHS thực hiện.

Tội chống người thi hành công vụ việc tước đoạt tính mạng của người thi hành công vụ không phải mục đích của người phạm tội, ban đầu có mục đích chống người thi hành công vụ nhưng trong khi phạm tội lại dẫn đến xâm hại đến tính mạng của người thi hành công vụ thì lúc này hành vi phạm tội lại chuyển hóa từ hành vi chống người thi hành công vụ sang hành vi vô ý làm chết người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân.

Tội vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính: Tội phạm này trực tiếp xâm phạm quyền sống của con người.

Hành vi vi phạm các quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính đã gây ra hậu quả chết người. Hậu quả chết người là dấu hiệu bắt buộc của CTTP này.

Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm và hậu quả thể hiện ở chỗ hành vi vi phạm các quy tắc nghề nghiệp hoặc các quy tắc hành chính đã gây ra hậu quả chết người. Đây là dấu hiệu bắt buộc của CTTP này.

#### ***1.1.2.4. Phân biệt tội chống người thi hành công vụ với tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác***

Theo quy định tại Điều 108 BLHS, tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được hiểu là hành vi vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% trở lên.

Giữa tội chống người thi hành công vụ và tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, có những điểm giống nhau như sau:

- Chủ thể của tội phạm là những người có năng lực TNHS và đủ tuổi chịu TNHS thực hiện.

Người phạm tội có hành vi gây ra thương tích, tổn hại cho sức khỏe của người khác bằng tay chân hay sử dụng công cụ, phương tiện nào đó đâm, đánh, đá, chém, xô xát với nạn nhân gây nên thương tích. Hành vi này có phần nào tương tự như hành vi được mô tả trong cấu thành của tội chống người thi hành công vụ như, hành vi dùng sức mạnh vật chất tác động đến người thi hành công vụ cũng phần nào chứa đựng khả năng gây tổn hại cho sức khỏe của người thi hành công vụ.

Hậu quả của tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có tỷ lệ thương tật từ 31% trở lên. Đây là dấu hiệu bắt buộc của CTTP này.

Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả là gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Đây là dấu hiệu bắt buộc của CTTP này.

## **1.2. Pháp luật hình sự Việt Nam về tội chống người thi hành công vụ**

### ***1.2.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985***

Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, đánh dấu một mốc lịch sử quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước của nhân dân ta. Ngay từ khi ra đời, Nhà nước ta đã nhận thức được tầm quan trọng của pháp luật trong việc điều chỉnh các mối quan hệ xã hội, nhất là trong thời kỳ đất nước còn gặp nhiều khó khăn. Nhiều văn bản pháp luật đã được ban hành, trong đó có những văn bản pháp luật về hình sự, những văn bản pháp luật hình sự thời kỳ này chủ yếu là các sắc lệnh, thông tư tập trung vào điều chỉnh những mối quan hệ phức tạp, những tội phạm mang tính chất nguy hiểm cao. Mặc dù còn có một số hạn chế nhưng pháp luật hình sự Việt Nam giai đoạn này cũng đã có sự tiến bộ và phát

triển nhất định. Đó chính là nền tảng của pháp luật hình sự sau này và đã góp một phần không nhỏ vào công cuộc xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trước khi BLHS đầu tiên của nước CHXHCN Việt Nam ra đời, thì tội chống người thi hành công vụ không được quy định riêng thành một tội danh cụ thể, độc lập. Trong các văn bản hình sự trước đây như: Pháp lệnh số 117-LCT về trừng trị các tội phản cách mạng nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Sắc lệnh số 133/SL năm 1953, Sắc lệnh số 27-SL ngày 28/02/1946 trừng trị các tội bắt cóc, tống tiền và ám sát; Sắc lệnh số 133- SL ngày 20/01/1953 trừng trị những tội xâm phạm an ninh đối nội và an toàn đối ngoại của nhà nước... thì hành vi chống người thi hành công vụ chỉ được quy định là các tình tiết tăng nặng trong một số tội phạm như tội giết người, tội cố ý gây thương tích hoặc quy định kèm theo nhiều hành vi khác trong cùng một điều luật... Cụ thể tại Điều 10 Pháp lệnh số 117 – LCT về trừng trị các tội phản cách mạng nước Việt Nam dân chủ cộng hòa có quy định như sau:

*“1. Kẻ nào vì mục đích phản cách mạng mà giết cán bộ, nhân viên nhà nước, bộ đội, công an hoặc giết nhân dân thì bị phạt tù từ mười lăm năm đến tù chung thân hoặc bị xử tử hình.*

*Kẻ nào vì mục đích phản cách mạng mà đánh đập, gây thương tích, bắt giữ cán bộ, nhân viên nhà nước, bộ đội, công an hay là nhân dân thì bị phạt tù từ ba năm đến mười lăm năm.*

*Kẻ nào vì mục đích phản cách mạng mà dọa giết cán bộ, nhân viên nhà nước, bộ đội, công an trong khi họ thi hành nhiệm vụ thì bị phạt tù từ hai năm đến mười năm.”*

Điều 14 của Pháp lệnh 117-LCT quy định:

*“ 1. Kẻ nào vì mục đích phản cách mạng mà kích động, lôi kéo, tụ tập nhiều người nhằm phá rối trật tự, an ninh, cản trở cán bộ, nhân viên nhà nước, bộ đội, công an thi hành nhiệm vụ thì bị phạt tù từ 5 năm đến 12 năm.*

*2. Kẻ nào vì mục đích phản cách mạng mà tham gia việc phá rối trật tự an ninh thì bị phạt tù từ hai năm đến năm năm.”*

Các văn bản trên đã thể hiện được tinh thần kiên quyết đấu tranh đối với các hành vi chống người thi hành công vụ nhưng các quy định này còn tản mạn, riêng lẻ chỉ phù hợp với hoàn cảnh xã hội lúc bấy giờ. Thực tiễn xã hội hiện nay đã có nhiều biến động, thay đổi, tình hình tội phạm có những diễn biến phức tạp, đặc biệt là hành vi chống người thi hành công vụ. Biểu hiện bằng nhiều hành vi khác nhau, làm ảnh hưởng đến hoạt động của cơ quan công vụ trong quần chúng nhân dân. Trước tình hình đó, yêu cầu đặt ra là phải xây dựng khung pháp lý độc lập cho loại tội phạm này. Từ đó cũng chứng tỏ sự quan tâm của các nhà lập pháp trong việc bảo vệ các quyền lợi chính đáng mà đặc biệt là sức khỏe và tính mạng cho người thi hành công vụ trong giai đoạn này.

### ***1.2.2. Giai đoạn từ Bộ luật hình sự năm 1985 đến năm 1999***

BLHS năm 1985 ra đời đánh dấu bước phát triển vĩ đại trong lịch sử lập pháp Việt Nam nhằm để đáp ứng nhu cầu phòng, ngừa tội phạm trong tình hình mới. Đây cũng là bước ngoặt đánh dấu mốc quan trọng, vị trí độc lập của tội chống người thi hành công vụ trong BLHS Việt Nam. Theo đó, tội chống người thi hành công vụ được quy định cụ thể tại Điều 205 BLHS năm 1985:

*Điều 205: Tội chống người thi hành công vụ.*

*Người nào dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực chống người thi hành công vụ cũng như dùng mọi thủ đoạn cưỡng ép họ thực hiện những hành vi trái pháp luật, nếu không thuộc trường hợp quy định ở Điều 101 và Điều 109, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.*

*Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng thì bị phạt tù từ hai năm đến mười năm.”*

Mặc dù hành vi chống người thi hành công vụ đã được quy định thành một tội danh độc lập nhưng quy định của pháp luật vẫn còn những điểm chưa hợp lý. Cụ thể Điều 205 BLHS 1985 quy định chỉ mang tính chất liệt kê ba dạng hành vi là dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng mọi thủ đoạn cưỡng ép; tuy nhiên trên thực tế nhiều khi người phạm tội lại không dùng ba dạng hành vi trên mà dùng những thủ đoạn khác để chống lại người thi hành công vụ. Như vậy, sẽ không đủ cơ sở pháp lý để truy cứu TNHS đối với họ. Bên cạnh đó, khoản 2 quy định về các tình tiết tăng nặng còn quá chung chung, làm cho người áp dụng pháp luật rất khó để xác định thế nào là “hậu quả nghiêm trọng” dẫn đến không thống nhất trong áp dụng hình phạt ở các địa phương.

### ***1.2.3. Quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về tội chống người thi hành công vụ***

Năm 1999, BLHS thứ hai của nước ta được ban hành, sự ra đời của BLHS năm 1999 đã thể hiện một bước phát triển mới của Luật hình sự Việt Nam, góp phần quan trọng vào việc giữ vững an ninh chính trị, trật tự an ninh xã hội, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn cả nước. Trên cơ sở những nền tảng của BLHS năm 1985, BLHS năm 1999 đã sửa đổi, bổ sung một cách tương đối toàn diện, quy định một cách tương đối hệ thống các nguyên tắc, chế định chung của chính sách hình sự. Hầu như các hành vi nguy hiểm cho xã hội đã được luật hóa, được coi là tội phạm và được xác định hệ thống hình phạt khá toàn diện.

Tội chống người thi hành công vụ được quy định tại Điều 257 thuộc chương XX các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính.

*Điều 257. Tội chống người thi hành công vụ*

*1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ của họ hoặc ép buộc họ thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm;*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:*

*a. Có tổ chức;*

*b. Phạm tội nhiều lần;*

*c. Xúi giục, lôi kéo, kích động người khác phạm tội;*

*d. Gây hậu quả nghiêm trọng;*

*đ. Tái phạm nguy hiểm.*

#### *1.2.3.1. Quy định về tội phạm*

Trong BLHS năm 1999 phân tội phạm đã được quy định cụ thể và rõ ràng hơn, TNHS được phân hóa cao hơn, cụ thể hóa ở mức tối đa các tình tiết định khung của từng tội phạm. Cùng với việc tách tội danh, tách khung hình phạt, nhiều loại tình tiết định khung hình mới đã được quy định bổ sung vào trong BLHS năm 1999, đó là những tình tiết tăng nặng hình phạt chưa được quy định trong BLHS năm 1985. Những tình tiết này có thể được quy định ở một tội danh hoặc ở nhiều tội danh khác nhau. Sự phát triển này có thể nhìn thấy rõ trong quy định về tội chống người thi hành công vụ.

Về CTTP: Không quy định tình tiết loại trừ tội phạm trong Khoản 1 Điều 205 BLHS năm 1985 “nếu không thuộc trường hợp quy định ở Điều 101 và Điều 109” tại Khoản 1 Điều 257 BLHS năm 1999. Tại khoản 2 Điều 257 BLHS năm 1999 đã bổ sung và quy định cụ thể, rõ ràng hơn về những tình tiết định khung tăng nặng, theo đó không chỉ có tình tiết “gây hậu quả nghiêm trọng” như quy định tại Khoản 2 Điều 205 BLHS năm 1985 mới được xem là tình tiết định khung tăng nặng mà còn bổ sung thêm các tình tiết khác, quy định như sau:

Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm: có tổ chức; Phạm tội nhiều lần; Xúi giục, lôi kéo, kích động người khác phạm tội; Gây hậu quả nghiêm trọng; Tái phạm nguy hiểm.

- Việc giảm khung hình phạt cao nhất tại khoản 2 từ 10 năm xuống còn 7 năm là quá nhẹ trong khi đó tình hình tội phạm chống người thi hành công vụ ngày càng phức tạp, nguy hiểm và có chiều hướng gia tăng về cả số lượng và nghiêm trọng hơn về hậu quả so với thời kỳ ban hành BLHS năm 1999. Tội phạm ngày càng phức tạp, nhưng hình phạt được giảm nhẹ, đó là một trong những nguyên nhân khiến pháp luật không thực sự phát huy được hiệu quả trong công cuộc ngăn ngừa và phòng chống Tội chống người thi hành công vụ.

#### *1.2.3.2. Quy định về hình phạt*

Tội chống người thi hành công vụ có 2 khung hình phạt, khung cơ bản với mức hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm, khung tăng nặng với mức hình phạt tù từ 2 năm đến 7 năm.

Theo nguyên tắc xử lý tội phạm thì: “mọi hành vi phạm tội phải được phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật” nhằm không chỉ trừng trị người phạm tội mà còn giáo dục họ trở thành những công dân có ích cho xã hội. Xác định trách nhiệm pháp lý mà người đó “gánh vác” khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội có ý nghĩa quan trọng trong việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm này, qua đó bảo vệ và duy trì trật tự an toàn xã hội.

#### *a) Khung cơ bản*

Điều 257 BLHS 1999 quy định hai khung hình phạt đó là Khung cơ bản và Khung tăng nặng:

Khung cơ bản với mức hình phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

Khung cơ bản của tội chống người thi hành công vụ đó là tổng hợp những dấu hiệu đặc trưng bắt buộc đối với tội phạm được quy định tại khoản 1 Điều



257 BLHS năm 1999, các dấu hiệu đặc trưng đó phản ánh bản chất của loại tội phạm và cho phép phân biệt nó với loại tội phạm khác (khoản 1 Điều 257 BLHS quy định: “*Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ của họ hoặc ép buộc họ thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm*”). Như vậy, một người thực hiện hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ của họ hoặc ép buộc họ thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

*b) Khung tăng nặng*

Khung tăng nặng có mức hình phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

Đối chiếu với hai khung hình phạt trên ta nhận thấy ở Điều 205 BLHS 1985 quy định mức hình phạt đối với tội chống người thi hành công vụ có sửa đổi rõ ràng. Tội chống người thi hành công vụ ở cả hai bộ luật đều quy định hai khung hình phạt nhưng điểm mới cần nói ở đây là:

Thứ nhất, BLHS 1999 đã nâng mức hình phạt cải tạo không giam giữ (khoản 1 – khung cơ bản) từ 1 năm lên 3 năm để tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nhằm bảo đảm hiệu quả quá trình giáo dục của loại tội phạm này và mức hình phạt này. Đồng thời tại khoản 2 đã hạ mức tối đa của khung hình phạt từ 10 năm xuống còn 7 năm, tương xứng với mức độ thực tế của tội phạm.

Thứ hai, BLHS 1999 đã bổ sung một số tình tiết định khung tăng nặng ở khoản 2 ngoài tình tiết phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng quy định trong BLHS 1985. Đó là các tình tiết: Phạm tội có tổ chức; phạm tội nhiều lần; xúi giục lôi kéo, kích động người khác phạm tội; tái phạm nguy hiểm. Những tình tiết này thường hay gặp trong các vụ án chống người thi hành công vụ. Bởi vậy, BLHS 1999 quy định bổ sung thêm các tình tiết này có ý nghĩa tích cực trong việc truy cứu đúng TNHS người phạm tội, khắc phục những thiếu sót trong BLHS 1985 về việc quy định tội chống người thi hành công vụ.

## **Kết luận Chương 1**

Tội chống người thi hành công vụ trong pháp luật hình sự ở nước ta đã có lịch sử hình thành và phát triển lâu dài. Mặc dù đã có biến đổi về cách thức xây dựng pháp luật của Nhà nước ta qua những thời kỳ nhất định đối với loại tội phạm này, song song với phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đã có rất nhiều giải pháp đưa ra để giải quyết những vấn đề liên quan đến loại tội phạm này, nhưng về cơ bản là theo phương hướng hoàn thiện và thể hiện của Đảng và Nhà nước ta coi việc đấu tranh phòng, chống đối với loại tội phạm này là hết sức cần thiết.

Hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung và hoàn thiện hơn nữa quy định của pháp luật về Tội chống người thi hành công vụ nói riêng là cả một quá trình lâu dài, đòi hỏi các nhà làm luật phải nắm bắt rõ tình hình thực tiễn, có cái nhìn tổng quan về tình hình tội phạm từ đó có những sửa đổi phù hợp với hệ thống pháp luật chung cũng như tình hình xã hội.

Thông qua Chương 1 của luận văn, nhìn lại chặng đường phát triển của BLHS Việt Nam, về mặt lý luận, các dấu hiệu nhận biết, các dấu hiệu định khung tăng nặng, hình phạt và phân biệt của tội chống người thi hành công vụ đã được làm rõ, đây là cơ sở để áp dụng đúng các quy định của pháp luật về tội chống người thi hành công vụ trong thực tế, đồng thời là tiền đề cho các Chương tiếp theo của luận văn.

## Chương 2

### THỰC TIỄN ÁP DỤNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI CHỐNG NGƯỜI THI HÀNH CÔNG VỤ TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

#### 2.1. Định tội danh chống người thi hành công vụ tại Thành phố Hồ Chí Minh

##### 2.1.1. Các yêu cầu bảo đảm định tội danh về tội chống người thi hành công vụ đúng pháp luật

Định tội danh trong khoa học pháp lý hình sự được hiểu là: Việc xác định sự phù hợp của hành vi nguy hiểm cho xã hội đã được thực hiện với các dấu hiệu của một CTTP tương ứng đã được quy định trong pháp luật hình sự. Như vậy, định tội danh là việc xác định và ghi nhận về mặt pháp lý sự phù hợp chính xác giữa các dấu hiệu của hành vi tội phạm cụ thể đã được thực hiện với các dấu hiệu của CTTP đã được quy định trong QPPL hình sự [31, tr. 16].

Trong lý luận luật hình sự, việc áp dụng các QPPL hình sự được hiểu là quá trình phức tạp được tiến hành qua nhiều giai đoạn nhất định như: Giải thích pháp luật hình sự; xác định hiệu lực pháp luật về không gian và thời gian; định tội danh; QĐHP; miễn TNHS và hình phạt; quyết định án treo, xóa án tích. Trong các giai đoạn đó, định tội danh là một trong những giai đoạn cơ bản, một trong những nội dung của quá trình áp dụng pháp luật, một trong những biện pháp, cách thức đưa các QPPL hình sự vào cuộc sống. Định tội danh còn là tiền đề, cơ sở cho việc áp dụng các QPPL khác của pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự. Như vậy, *định tội danh là việc xác định và ghi nhận về mặt pháp lý sự phù hợp chính xác giữa các dấu hiệu của hành vi tội phạm cụ thể đã được thực hiện với các dấu hiệu của CTTP đã được quy định trong QPPL hình sự* [36, tr. 9].

Nhận thức đúng nội dung của BLHS quy định về tội chống người thi hành công vụ có ý nghĩa rất lớn đối với việc định tội danh. Đối với tội này khi xây dựng BLHS nhà làm luật đã đánh giá một cách toàn diện tính chất và mức độ

nguy hiểm cho xã hội của hành vi chống người thi hành công vụ, cân nhắc hiệu quả có thể đạt được trong việc đấu tranh với hành vi đó bằng các biện pháp hình sự, quy định chế tài cần thiết đối với tội phạm. Việc tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của BLHS trong việc định tội danh tội chống người thi hành công vụ là việc cần thiết và quan trọng của việc thực hiện chính sách hình sự của Nhà nước nhằm khắc phục tình hình tội phạm ở nước ta.

Định tội danh được tiến hành ở tất cả các giai đoạn của cả quá trình tố tụng hình sự từ giai đoạn khởi tố đến giai đoạn xét xử. Định tội danh là sự xác nhận về mặt pháp lý sự phù hợp giữa hành vi nguy hiểm cho xã hội đã thực hiện trong thực tế khách quan với các dấu hiệu trong CTTP tương ứng được quy định trong BLHS. Hay nói cách khác, Định tội danh là việc xác định một hành vi cụ thể đã thực hiện thỏa mãn đầy đủ các dấu hiệu của CTTP của một tội nào đó trong số các tội phạm đã được quy định trong BLHS, bao gồm việc tiến hành đồng thời ba quá trình sau:

*Một là, xác định các tình tiết của vụ án:* Đó là việc xác định các tình tiết của vụ án phù hợp với hiện thực khách quan. Để làm được điều đó cần phải áp dụng các biện pháp theo đúng quy định của BLTTHS. Nó đòi hỏi người định tội danh phải đánh giá các tình tiết của vụ án một cách khách quan, toàn diện, vô tư, không định kiến, không suy diễn, dựa vào các chứng cứ đã thu thập được và đánh giá theo quy định của pháp luật. Khi nghiên cứu, thường được tiến hành bằng cả phương pháp quy nạp và phương pháp diễn dịch. Đó là, từ những sự kiện riêng lẻ đến những kết luận chung nhất, từ những luận điểm khái quát đến những kết luận cụ thể đối với những tình tiết cụ thể và các dấu hiệu, các mặt cụ thể của nó. Mỗi một tình tiết trong vụ án bước đầu đánh giá chúng một cách độc lập để thấy được sự thể hiện tính chất của nó là loại hành vi nào. Sau đó, chính tình tiết đó lại tiếp tục đặt trong mối quan hệ với các tình tiết khác trong vụ án, thì kết luận về tính chất của tình tiết này mới là sự thể hiện về bản chất của nó trong cả quá trình của vụ án. Đánh giá mỗi tình tiết của vụ án, phải đặt nó trong

hoàn cảnh cụ thể, trong tổng thể, biện chứng của cả quá trình phản ánh đúng diễn biến của vụ án đã xảy ra. Bởi vì, cùng một tình tiết, nhưng đặt trong mỗi hoàn cảnh khác nhau thì chúng khác nhau về bản chất. Kết luận về từng tình tiết độc lập, không thể phản ánh đúng về bản chất của tình tiết đó trong toàn bộ diễn biến của vụ án.

*“Xác định sự thật của vụ án một cách toàn diện, đầy đủ tức là xem xét hành vi phạm tội trên các mặt của các yếu tố CTTTP trong tổng thể, không tách rời nhau. Cần phải thu thập, kiểm tra và đánh giá tất cả các chứng cứ thu thập được: Chứng cứ buộc tội và chứng cứ gỡ tội; chứng cứ trực tiếp và chứng cứ gián tiếp; chứng cứ gốc và chứng cứ sao chép, v.v” [36, tr. 13].*

Hai là, nhận thức đúng nội dung của các quy định trong BLHS: Việc tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của BLHS là điều kiện bắt buộc và rất cần thiết trong khi định tội danh, là việc thực hiện chính sách pháp luật của Nhà nước ta trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

Tuy nhiên, các dấu hiệu được quy định trong BLHS mang tính khái quát những nét đặc trưng có tính phổ biến để điều chỉnh hiện tượng thực tế muôn hình muôn vẻ, chính vì vậy các QPPL không thể phản ánh được hết tất cả các mặt của đời sống xã hội mà chỉ phản ánh những nét đặc trưng của nó. Nhưng mặt khác, luật phải được áp dụng đối với những trường hợp cụ thể. Tính chất khái quát và phổ biến của QPPL và yêu cầu phải áp dụng nó một cách cụ thể là hai mặt của một sự thống nhất biện chứng.

Ví dụ: Thực hiện chương trình phòng chống tội phạm trên địa bàn, Công an xã Vĩnh Lộc B đã tiến hành việc tuần tra mật phục tại các điểm nóng thường xuyên có tội phạm và vi phạm xảy ra để kịp thời trấn áp, xử lý.

Tối ngày 07/10/2014 rạng sáng ngày 08/10/2014, tổ công tác gồm các công an viên Nguyễn Thanh Tuấn, Nguyễn Hoài Nhân, Thiều Nguyễn Thanh

Tân, Võ Minh Luân mặc trang phục dân sự, dùng 2 xe mô tô đi tuần tra và mặt phục trên đường Võ Văn Vân.

Khoảng 2 giờ ngày 08/10/2014, tổ công tác phát hiện Nguyễn Minh Hậu điều khiển xe mô tô Wave biển số 51K6-1967, phía sau chở Ngô Văn Tý, Phan Văn Dương, Tôn Văn Hiếu. Nhận thấy các đối tượng chở quá số người quy định, không đội mũ bảo hiểm và có dấu hiệu nghi vấn nên tổ công tác đã yêu cầu dừng xe để kiểm tra hành chính và đề nghị xuất trình giấy tờ tùy thân, giấy đăng ký xe nhưng Hậu không chấp hành hiệu lệnh mà điều khiển xe bỏ chạy.

Sau một thời gian truy đuổi, đến khu vực Dân Sinh, tổ công tác đã buộc được Hậu phải dừng xe. Lúc này Hậu mới xuất trình giấy tờ xe và chứng minh nhân dân. Riêng Tý, Dương và Hiếu không xuất trình được giấy tờ tùy thân nên tổ công tác điện báo về Công an xã xin lực lượng hỗ trợ đến đưa các đối tượng về Công an xã xử lý. Do sợ bị bắt nên Tý đã giật cây gậy cao su mà công an viên Võ Minh Luân đang cầm đánh vào mặt anh Luân gây thương tích ở mắt rồi ném bỏ cây gậy cao su và bỏ chạy .

Thấy vậy, Dương dùng tay đánh vào lưng anh Tân và đánh vào vai anh Nhân rồi chạy về phòng trọ trốn. Riêng Hiếu đứng im tại chỗ không tham gia đánh tổ công tác nên Công an đưa về trụ sở làm việc. Còn Hậu thì lên xe bỏ chạy nhưng bị té ngã và bị Công an xã đưa về trụ sở làm việc.

Qua truy tìm, bắt được Tý và Dương, Công an huyện Bình Chánh đã lập hồ sơ xử lý các đối tượng theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2015/HSST ngày 20/03/2015, TAND huyện Bình Chánh đã phạt bị cáo Ngô Văn Tý 1 năm tù về tội “Chống người thi hành công vụ”. Không đồng ý với bản án sơ thẩm, Ngô Văn Tý đã kháng cáo. Trong phiên tòa phúc thẩm ngày 26/05/2015 tại trụ sở TAND Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã quyết định không chấp nhận kháng

cáo của bị cáo Ngô Văn Tý, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 1 năm tù về tội " Chống người thi hành công vụ"

Vụ án nêu trên xuất phát từ việc không chấp hành yêu cầu của lực lượng giữ gìn trật tự tại địa phương. Người phạm tội đã có hành vi dùng vũ lực đối với người thi hành công vụ chống lại người thi hành công vụ. Vụ án này xảy ra đã gây dư luận không tốt trong quần chúng nhân dân. Trên thực tế tội chống người thi hành công vụ xảy ra phức tạp cần có những quy định định tội danh cụ thể rõ ràng hơn.

### ***2.1.2. Thực tiễn định tội danh tội chống người thi hành công vụ tại Thành phố Hồ Chí Minh***

Định tội danh tội chống người thi hành công vụ là quá trình đối chiếu những tình tiết thực tế của tội phạm đã thực hiện với các dấu hiệu của CTTTP được quy định tại Điều 257 BLHS năm 1999. Tội phạm là một thể thống nhất gồm bốn yếu tố: khách thể, mặt khách quan, chủ thể, mặt chủ quan của tội phạm. Các yếu tố này có quan hệ chặt chẽ với nhau, thể nhưng mỗi yếu tố lại có ý nghĩa riêng và có thể tách ra nghiên cứu một cách độc lập tương đối trong mối quan hệ với các yếu tố khác. Vì vậy, trong khoa học pháp lý hình sự khi nghiên cứu quá trình định tội danh nhiều tác giả tách riêng và xem xét việc định tội danh theo từng nhóm dấu hiệu nêu trên của tội phạm. Việc nghiên cứu một cách riêng biệt các nhóm dấu hiệu trên đã giúp các cơ quan THTT tại Thành phố Hồ Chí Minh hiểu biết các hiện tượng một cách sâu sắc.

Các cơ quan THTT tại Thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình định tội danh đã đánh giá một cách toàn diện, khách quan đầy đủ các chứng cứ, các tình tiết của vụ án hình sự để xem xét về tính chất của hành vi phạm tội của bị can, bị cáo hoặc bằng việc kiểm tra tính hợp pháp của bản án theo trình tự quy định của pháp luật, đã tổng hợp các dấu hiệu pháp lý do luật hình sự quy định thể hiện một hành vi nguy hiểm cho xã hội đối với tội “chống người thi hành công vụ” được thể hiện đầy đủ 04 yếu tố: Khách thể của tội phạm; mặt khách quan của tội

phạm; chủ thể của tội phạm và mặt chủ quan của tội phạm được quy định tại khoản 1 Điều 257 BLHS năm 1999.

- Căn cứ vào việc nghiên cứu hồ sơ các bản án đã có hiệu lực của TAND hai cấp Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian tác giả đi thực tiễn khảo sát nghiên cứu tình hình tội phạm từ năm 2012 đến năm 2016 (Bảng 2.1), cho thấy tội phạm tại Thành phố Hồ Chí Minh diễn biến phức tạp và không ổn định qua các năm như sau:

**Bảng 2.1:** Tổng hợp tình hình tội chống người thi hành công vụ tại Thành phố Hồ Chí Minh (từ năm 2012 đến năm 2016)

Năm	Số vụ	Số bị cáo
2012	61	73
2013	69	98
2014	47	51
2015	50	58
2016	55	69
Tổng	282	349
Trung bình	56.4	69.8

*(Nguồn: thống kê của VKSND và TAND Thành phố Hồ Chí Minh)*

- Quá trình nghiên cứu thực tiễn định tội danh tại Thành phố Hồ Chí Minh cũng như những địa phương khác trong toàn quốc, trước hết cũng phải dựa trên các cơ sở: Cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn.

Cơ sở lý luận: Đó là khoa học về luật hình sự, mà trong đó, lý luận về các yếu tố CTTTP là cơ sở quan trọng nhất để định tội danh.

Cơ sở pháp lý: Dựa trên quy định của BLHS, BLTTHS, Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán TANDTC và các văn bản dưới luật khác như các Thông tư liên tịch, v.v.



Cơ sở thực tiễn: Trên cơ sở tổng kết rút kinh nghiệm công tác xét xử hàng năm của TAND, kinh nghiệm xét xử của từng Thẩm phán.

Căn cứ vào việc nghiên cứu hồ sơ các bản án, đã có hiệu lực của TAND hai cấp Thành phố Hồ Chí Minh, mà tác giả có điều kiện tiếp xúc có thể rút ra một số kết luận về việc định tội danh của Cơ quan cảnh sát điều tra, VKSND và TAND hai cấp Thành phố Hồ Chí Minh đối với tội chống người thi hành công vụ tại Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn từ 2012 đến 2016 như sau:

- Thứ nhất, về tính thống nhất rất cao của các cơ quan THTT trong các vụ án chống người thi hành công vụ. Qua các bản án xét xử đối với tội chống người thi hành công vụ tại Thành phố Hồ Chí Minh, có thể thấy không có bất cứ sự thay đổi tội danh nào trong các giai đoạn định tội danh của cơ quan điều tra, cơ quan kiểm sát và cơ quan xét xử đối với bất cứ bản án nào. Hay nói một cách khác, là quan điểm về các vụ án chống người thi hành công vụ của các cơ quan THTT từ điều tra, truy tố, xét xử tại Thành phố Hồ Chí Minh là rất thống nhất và có sự đồng thuận tuyệt đối.

- Thứ hai, qua thực tế nghiên cứu các bản án đã được xét xử tại TAND hai cấp Thành phố Hồ Chí Minh có thể thấy một thực trạng là: Mặc dù thẩm quyền xét xử của TAND hai cấp Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại Điều 8 của BLHS và Điều 170 của BLTTHS, khoản 2 Điều 257 có mức cao nhất là đến 7 năm tù và thuộc thẩm quyền xét xử của TAND hai cấp Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, hầu hết các bản án mà TAND hai cấp Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng nói trên chỉ áp dụng khoản 1. Đối với khoản 2 của điều luật này quy định có tính trừu tượng cao và không cụ thể nên việc giải thích và áp dụng trực tiếp là điều rất khó khăn cho cả cơ quan điều tra, truy tố và xét xử.

- Thứ ba, trên cơ sở nghiên cứu thực tế về định tội danh đối với tội chống người thi hành công vụ tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2012-2016 có thể chỉ ra rằng: Việc xây dựng pháp luật đối với từng điều luật cũng nên thiết kế một các khoa học và hợp lý. Việc xác định vị trí cấu thành của điều luật là dạng cấu

thành gì thì từ đó xây dựng điều luật trên cơ sở đó mới có khả năng áp dụng trên thực tiễn. Tội chống người thi hành công vụ quy định mức hình phạt cao nhất là 7 năm tù, theo Điều 8 BLHS thì là tội nghiêm trọng, không có trường hợp nào là tội phạm rất nghiêm trọng hay tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Cho nên không có trường hợp tái phạm nguy hiểm vì đã bị kết án về tội chống người thi hành công vụ.

Từ số liệu đã xét xử, việc định tội danh tại Thành phố Hồ Chí Minh về cơ bản là đúng, nhất là đối với tội chống người thi hành công vụ. Bởi lẽ, các vụ án đưa ra xét xử là các vụ án đã được định tội danh chính thức. Trong 282 bản án án đã xét xử chỉ có 01 (một) bản án bị hủy do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; không có bản án bị kháng nghị theo trình tự Giám đốc thẩm hoặc Tái thẩm. Không có trường hợp nào tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định sai tội danh, bỏ lọt tội phạm hay xử oan người vô tội.

Để có kết quả này là do sự nỗ lực rất lớn từ phía các cơ quan THTT tại Thành phố Hồ Chí Minh và đòi hỏi những người THTT phải có trình độ lý luận cơ bản và vững chắc, trên cơ sở đánh giá, phân tích, tổng hợp từng yếu tố của nhiều vụ án, áp dụng các văn bản pháp luật liên quan một cách chính xác thì mới định tội danh đúng.

## **2.2. Quyết định hình phạt đối với tội chống người thi hành công vụ**

### ***2.2.1. Các yêu cầu bảo đảm quyết định hình phạt đối với tội chống người thi hành công vụ đúng pháp luật***

QĐHP là một trong những giai đoạn cơ bản, một trong những nội dung của quá trình áp dụng pháp luật hình sự. Giai đoạn này chiếm vị trí đặc biệt trong quá trình áp dụng pháp luật hình sự. Điều đó thể hiện trước hết ở chỗ chỉ Tòa án mới có quyền quyết định hình phạt. Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 2013 quy định Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước CHXHCN Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp (Điều 102). Điều 26 BLHS quy định: “Hình

phạt được quy định trong BLHS và do Tòa án quyết định”. Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nhà nước, được Nhà nước giao cho TAND, nhân danh Nhà nước quyết định áp dụng đối với người phạm tội, không một cơ quan nhà nước nào khác ngoài TAND có quyền áp dụng hình phạt. Tòa án căn cứ vào luật hình sự tuyên bố áp dụng hình phạt đối với người phạm tội, thể hiện sự lên án của Nhà nước đối với họ về việc thực hiện tội phạm, là sự trừng trị người phạm tội.

QĐHP là một hoạt động pháp lý tổ tụng hình sự, hay nói một cách khác là một dạng hoạt động của việc áp dụng pháp luật hình sự, do Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân tiến hành đối với người thực hiện tội phạm theo một trật tự pháp lý nhất định. Nó là một dạng hoạt động pháp lý tổ tụng hình sự, bởi vì để QĐHP. Tòa án phải dựa vào kết quả của các giai đoạn tổ tụng hình sự khác nhau và kết quả hoạt động của mình ở giai đoạn xét xử. QĐHP là quá trình sử dụng kết quả điều tra, kết quả buộc tội, kết quả thẩm vấn, tranh luận; là quá trình đối chiếu các tình tiết của một vụ án hình sự cụ thể với các dấu hiệu của một CTTTP cụ thể gắn liền với việc đánh giá con người cụ thể đã thực hiện tội phạm để xác định một loại và một mức hình phạt cụ thể tối ưu nhất trong việc cải tạo, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

*Như vậy “QĐHP là một giai đoạn, một nội dung của áp dụng pháp luật hình sự thể hiện ở việc Tòa án lựa chọn loại và mức hình phạt cụ thể được quy định trong điều luật (khoản, điều luật) theo một thủ tục nhất định để áp dụng đối với người phạm tội thể hiện trong bản án buộc tội”.*

QĐHP có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về chính trị và pháp luật. Chỉ khi hình phạt được quyết định một cách chính xác và công bằng, thì mục đích của hình phạt mới đạt được, tức là có tác dụng giáo dục và cải tạo người phạm tội, ngăn ngừa phạm tội mới và giáo dục người khác. Hình phạt được quyết định quá nhẹ so với tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm đã được thực hiện, sẽ sinh ra ở người phạm tội và ở những người khác thái độ xem thường pháp luật. Hình phạt được quyết định quá nặng, sẽ gây ra ở người bị kết án sự không tin

tướng vào tính công bằng của pháp luật và sự công minh của các cơ quan THTT. Cả hai tình trạng đó đều dẫn đến hậu quả là làm giảm ý nghĩa phòng ngừa chung của hình phạt. QĐHP đúng đắn sẽ góp phần tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, trật tự và kỷ cương xã hội.

QĐHP là hoạt động thực tiễn của TAND được tiến hành sau khi xác định xong tội danh đối với hành vi mà bị cáo đã thực hiện QĐHP có thể là miễn hình phạt hay áp dụng hình phạt; nếu miễn hình phạt thì QĐHP kết thúc ở đây, còn nếu áp dụng hình phạt thì QĐHP bao gồm định khung hình phạt, lựa chọn hình phạt và xác định mức hình phạt cụ thể theo quy định của luật hình sự.

QĐHP đối với tội chống người thi hành công vụ gồm những đặc điểm như sau:

*Thứ nhất:* QĐHP là hoạt động thực tiễn của TAND ngay sau giai đoạn định tội danh cho bị cáo, đây là đặc điểm đầu tiên quan trọng của QĐHP, Điều 102 Hiến pháp 2013 nước CHXHCNVN quy định: Tòa án là cơ quan xét xử của nước CHXHCNVN [18, Điều 102], tức là Tòa án là cơ quan duy nhất có quyền tuyên bố hành vi cụ thể nào đó có phạm tội. Do đó đối với tội chống người thi hành công vụ Tòa án sẽ tiến hành xem xét hành vi đó có phạm tội chống người thi hành công vụ hay không và nếu có thì áp dụng khoản nào của Điều 257. QĐHP là hoạt động tư duy của chủ thể cân nhắc đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như các yếu tố khác để đưa ra một quyết định phù hợp, áp dụng hay không áp dụng hình phạt; nếu áp dụng hình phạt thì phải lựa chọn một hình phạt chính xác, do quyết định của Tòa án bị cáo phải chịu hình phạt nào đó thể hiện sự lên án của Nhà nước đối với người phạm tội, Tòa án nhân danh nhà nước chứ không phải một cá nhân nào, vì vậy phải đảm bảo nguyên tắc công bằng. Loại và mức độ hình phạt được quyết định áp dụng với bị cáo phải được thể hiện trong bản án buộc tội theo các quy định của BLTTHS và được công bố công khai khi tuyên án.

*Thứ hai:* QĐHP nói chung và quyết định phạt đối với tội chống người thi hành công vụ được thực hiện bởi Tòa án trên cơ sở của Điều 257 BLHS hiện hành: Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của nhà nước, nó hạn chế hoặc tước bỏ một hoặc một số quyền của công dân, vì thế hệ thống hình phạt, căn cứ QĐHP, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ... đều phải được quy định chặt chẽ trong luật. Việc áp dụng các quy định đó khi QĐHP đó cũng phải tuân thủ theo một trình tự, thủ tục nhất định, nó là dạng hoạt động pháp lý tổ tụng hình sự, vì thế khi QĐHP Tòa án phải dựa vào kết quả của các giai đoạn tổ tụng hình sự khác nhau và kết quả hoạt động của mình ở giai đoạn xét xử, mọi quyết định của Tòa án không trên cơ sở của pháp luật đều là vi phạm nguyên tắc pháp chế.

*Thứ ba:* QĐHP chỉ áp dụng với cá nhân người thực hiện hành vi phạm tội, theo pháp luật hình sự hiện hành thì nguyên tắc cá thể hóa trách nhiệm thì TNHS là trách nhiệm của cá nhân chứ không phải là của pháp nhân. Đối với tội chống người thi hành công vụ thì chỉ người nào thực hiện hành vi chống lại hoặc gây cản trở người đang thi hành công vụ gây nguy hiểm cho xã hội thì mới bị coi là tội phạm thì phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi của mình và không thể ủy thác trách nhiệm cho người khác. Khi định tội và QĐHP đối với người phạm tội thì tình tiết là căn cứ tăng nặng hay giảm nhẹ TNHS đối với người này không đương nhiên áp dụng với người khác, kể cả trường hợp cùng phạm một tội (đồng phạm).

*Thứ tư:* Như nói ở trên, Tòa án nhân danh nhà nước và trên cơ sở quy định của pháp luật quyết định áp dụng hình phạt với một người phạm tội, tuy nhiên việc ra QĐHP không phải là thể lực hay một tổ chức chung chung mà do những con người cụ thể đó là các thẩm phán và các hội thẩm nhân dân. Trên thực tế mỗi cá nhân không bao giờ giống nhau về mọi mặt, nhất là tâm tư, tình cảm, trình độ, năng lực, vì thế trước từng vấn đề mỗi người có cách nhìn nhận, đánh giá khác nhau phụ thuộc vào tình cảm, trình độ, năng lực của mỗi người. QĐHP

thực chất là hoạt động tư duy của người THPT, trên cơ sở phân tích đánh giá tất cả các tình tiết của vụ án và quy định của pháp luật để QĐHP sẽ áp dụng cho bị cáo. Vì thế chúng ta không thể đòi hỏi và cũng không bao giờ có thể đạt được sự thống nhất tuyệt đối khi QĐHP giữa các chủ thể được ủy quyền nhân danh Nhà nước QĐHP. Chính điều đó tạo nên đặc điểm của QĐHP đó là tính linh hoạt, nhưng tất nhiên tính linh hoạt đó là trong khuôn khổ của pháp luật.

### ***2.2.2. Thực tiễn quyết định hình phạt đối với tội chống người thi hành công vụ tại Thành phố Hồ Chí Minh***

- Trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn tại Thành phố Hồ Chí Minh, các cơ quan THPT đã áp dụng đầy đủ các quy định của BLHS, các văn bản hướng dẫn, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi để làm căn cứ QĐHP đúng, phù hợp dựa trên các tình tiết có trong hồ sơ từng vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân người phạm tội mà quyết định mức hình phạt tương xứng với từng bị cáo. Đối với khoản 1 Điều 257 BLHS tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh cung độ hình phạt của khoản này tập trung nhiều nhất trong khoản từ 6 đến 12 tháng tù.

**Bảng 2.2:** Thống kê số bị can phạm tội theo Điều 257 BLHS tại Thành phố Hồ Chí Minh

Năm	Số vụ án	Số bị can	CTTP Cơ bản/ bị can	Có tình tiết định khung
2012	61	73	72	01
2013	69	98	96	02
2014	47	51	51	00
2015	50	58	50	02
2016	55	69	69	00

*(Nguồn: thống kê của VKSND và TAND Thành phố Hồ Chí Minh)*

Trong công tác điều tra, truy tố, xét xử việc xác định ranh giới giữa hành vi vi phạm hành chính và tội phạm đối với hành vi chống người thi hành công vụ không đơn giản. Bởi theo quy định tại Nghị định 73/2010/NĐ-CP và sau này là Nghị định 167/2013/NĐ-CP thì người vi phạm cũng có hành vi cản trở, không chấp hành yêu cầu của người thi hành công vụ hoặc có lời nói, hành động lăng mạ, xúc phạm danh dự hay dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực để chống lại người thi hành công vụ mà chưa đến mức truy cứu TNHS. Những hành vi được miêu tả trong Nghị định của chính phủ cũng chính là những hành vi được mô tả trong CTTP của điều 257 BLHS. Cơ sở như thế nào để nhận định một hành vi chưa đến mức truy cứu TNHS? Ranh giới giữa vi phạm hành chính và tội phạm trong nhiều trường hợp rất mong manh. Như vậy có thể thấy việc xác định một hành vi là vi phạm hành chính hay tội phạm trong nhiều trường hợp tùy thuộc rất nhiều vào sự nhận định, đánh giá của các cơ quan THTT. Do vậy đòi hỏi những người làm công tác định tội danh phải có trình độ pháp luật, kỹ năng phân tích, xử lý tình huống, thực sự khách quan khi định tội danh.

- Hành vi chống người thi hành công vụ diễn ra rất phức tạp và đa dạng: Chống người thi hành công vụ tham gia giải quyết các vụ mâu thuẫn, tranh chấp trong một bộ phận nhân dân; Chống người thi hành công vụ trong khi tiến hành đấu tranh phòng, ngừa tội phạm về kinh tế; Chống người thi hành công vụ trong khi làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát hành chính về trật tự, an toàn giao thông, đảm bảo trật tự công cộng; Chống người thi hành công vụ trong khi áp dụng những biện pháp cưỡng chế thi hành các quyết định hành chính...

- Hình phạt mà những người phạm tội chống người thi hành công vụ tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn từ năm 2012 – đến năm 2016 bị áp dụng chủ yếu là hình phạt tù, hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo. Mặc dù thời gian qua các bị cáo phạm tội chống người thi hành công vụ bị kết án từ 6 tháng đến 3 năm tù (bị truy cứu TNHS theo khoản 1 Điều 257 BLHS) hay phần lớn tính chất ít nghiêm trọng, tuy nhiên không có nghĩa tội phạm này ít nguy hiểm. Ngược lại

tội này là tội gây nguy hại lớn cho xã hội. Bởi vì hành vi chống lại người thi hành công vụ trực tiếp xâm phạm đến hoạt động bình thường, đúng đắn của các cơ quan nhà nước, tổ chức; làm giảm hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cơ quan, tổ chức đó; hơn nữa khoản 2 Điều 257 BLHS quy định tội này có khung hình phạt cao nhất đến 7 năm tù.

Về thiệt hại: Loại tội phạm này một mặt làm giảm hiệu quả hoạt động của cơ quan thi hành công vụ, ngăn cản quá trình thực hiện nhiệm vụ và ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe, danh dự của người thi hành công vụ; mặt khác tiềm ẩn nguy cơ gây rối trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, trật tự an toàn xã hội. Ngoài ra còn có thể gây thiệt hại về tài sản cho người thi hành công vụ, cơ quan tổ chức, tạo dư luận xấu, thái độ coi thường pháp luật trong nhân dân và gây mất lòng tin của nhân dân vào hoạt động quản lý của Nhà nước.

Nghị quyết 04/HĐTP ngày 29/11/1986 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng quy định tội chống người thi hành công vụ (Điều 205 BLHS 1985) quy định: “Nếu hành vi phạm tội giết người thi hành công vụ, thì họ bị xử lý về tội giết người theo điểm e khoản 1 Điều 101. Nếu họ gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người thi hành công vụ thì tùy tình tiết của vụ án, họ bị xử lý theo điểm b khoản 2 Điều 109 (gây cố tật nặng hoặc dẫn đến chết người). Với các quy định như vậy việc áp dụng pháp luật sẽ trở nên dễ dàng hơn, có căn cứ pháp luật rõ ràng để chọn một tội danh để xử lý, tránh sự nhầm lẫn trong một số trường hợp.

Như vậy quan điểm về đường lối xử lý trong trường hợp có hành vi “chống người thi hành công vụ hiện nay” rất rõ ràng ràng khi có hành vi thỏa mãn dấu hiệu cấu thành của các tội nêu trên ta chỉ có thể chọn hoặc là tội chống người thi hành công vụ hoặc tội quy định tại các Điều 93, Điều 103, Điều 104... để xử lý người phạm tội mà không thể xử lý về nhiều tội.



Tội được lựa chọn để định tội danh với người có hành vi chống người thi hành công vụ phải là một trong các tội danh tương ứng theo khung hình phạt tăng nặng nếu hành vi chống người thi hành công vụ đã thỏa mãn dấu hiệu CTTP của một trong các tội này mới phản ánh đúng và đầy đủ nhất tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Đây chính là trường hợp trong một vụ án mà thỏa mãn nhiều CTTP thì thu hút về CTTP nặng hơn để xử lý. Khoa học luật hình sự gọi là dấu hiệu định tội của tội danh nhất định đồng thời đã được quy định là dấu hiệu định khung hình phạt tăng nặng của tội phạm khác. Khi đã quy định dấu hiệu định tội thuộc một CTTP thành dấu hiệu định khung hình phạt thuộc CTTP khác thì hành vi chỉ cấu thành một tội và thuộc khung hình phạt tăng nặng [25. Tr.125 – 126].

Khi QĐHP Tòa án phải tuân theo những nguyên tắc nhất định “*Các nguyên tắc QĐHP là những tư tưởng xuất phát, tư tưởng chỉ đạo, được quy định trong pháp luật hình sự và do giải thích mà có, xác định và định hướng hoạt động của Tòa án khi áp dụng chế tài Luật hình sự đối với người phạm tội*”.

Đó là các nguyên tắc: Nguyên tắc pháp chế XHCN; nguyên tắc nhân đạo XHCN; nguyên tắc cá thể hóa hình phạt và nguyên tắc công bằng.

Các nguyên tắc đó có tính độc lập tương đối của nó và cùng tồn tại. Nhưng, mặt khác, các nguyên tắc QĐHP luôn có những phần, những nội dung xâm nhập nhau, có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, bổ sung cho nhau, tác động qua lại lẫn nhau và ở dạng tổng thể tạo thành một hệ thống nhất.

- Căn cứ QĐHP: “*Các căn cứ QĐHP là những đòi hỏi cơ bản có tính nguyên tắc do luật hình sự quy định hoặc do giải thích pháp luật mà có, buộc Tòa án phải tuân theo khi QĐHP đối với người thực hiện tội phạm*”.

Để QĐHP đối với hành vi của người phạm tội, Tòa án không phải tùy tiện đưa ra một loại và một mức án nào đó, mà phải có những căn cứ nhất định. Theo quy định Tại Điều 45 BLHS thì: “*Khi QĐHP, Tòa án căn cứ vào quy định của*

BLHS, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS”. Trên cơ sở phân tích Điều 45 BLHS có thể rút ra kết luận: khi QĐHP, Tòa án phải tuân theo những đòi hỏi quan trọng có tính nguyên tắc sau:

Căn cứ vào các quy định của BLHS;

Cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội;

Cân nhắc nhân thân người phạm tội;

Cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS.

Khi QĐHP, Tòa án phải căn cứ vào những quy định sau đây:

Một là, căn cứ vào các quy định của BLHS, tức là căn cứ vào các quy định của Phần chung và Phần các tội phạm (điều luật quy định tội phạm mà các bị cáo đã phạm tội).

Tại phần Chung, bao gồm các quy định sau: Quy định về nguyên tắc xử lý (Điều 3); các quy định liên quan đến hình phạt (từ Điều 26 đến Điều 40); các quy định về các biện pháp tư pháp (từ Điều 41 đến Điều 44); các quy định về căn cứ QĐHP (Điều 45); các tình tiết giảm nhẹ TNHS (Điều 46); các tình tiết tăng nặng TNHS (Điều 48 BLHS); QĐHP nhẹ hơn quy định của Bộ luật (Điều 47); quy định về tái phạm, tái phạm nguy hiểm (Điều 49); quy định về án treo (Điều 60); các quy định QĐHP đối với người chưa thành niên phạm tội (từ Điều 68 đến Điều 75); QĐHP trong trường hợp phạm nhiều tội (Điều 50); tổng hợp hình phạt của nhiều bản án (Điều 51); QĐHP trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt (Điều 52); QĐHP trong trường hợp đồng phạm (Điều 53); miễn hình phạt (Điều 54).

Tại phần tội phạm của BLHS, quy định này chính là quy định về tội phạm và hình phạt đối với tội phạm cụ thể mà hành vi đang được xem xét thỏa mãn dấu hiệu CTTTP.

Hai là, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm đã thực hiện. Tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm được thể hiện ở tổng thể của hai khái niệm “tính chất” và “mức độ” nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. Tính chất nguy hiểm cho xã hội của tội phạm, trước hết được quyết định bởi ý nghĩa, tính chất, tầm quan trọng và giá trị của các quan hệ xã hội bị tội phạm đó xâm hại – khách thể bị xâm hại. Bên cạnh khách thể bị xâm hại, tính chất nguy hiểm cho xã hội của tội phạm còn phụ thuộc vào các dấu hiệu khác về mặt khách quan, về mặt chủ quan, các dấu hiệu đặc trưng cho chủ thể.

Đây là căn cứ có ảnh hưởng lớn trong việc lựa chọn loại và mức hình phạt cần áp dụng đối với chủ thể. Tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội càng cao thì hình phạt được áp dụng phải càng nghiêm khắc. Việc này, một mặt xuất phát từ nguyên tắc của BLHS (nguyên tắc pháp chế XHCN; nguyên tắc phân hóa TNHS; nguyên tắc công bằng), mặt khác xuất phát từ yêu cầu phòng ngừa chung và phòng ngừa riêng của hình phạt.

Tính chất và mức độ được thể hiện tổng hợp qua các yếu tố: Mức độ quan trọng của quan hệ xã hội cần được bảo vệ; đặc điểm của đối tượng tác động; tính chất của hành vi phạm tội; hình thức, loại và mức độ của lỗi; tính chất và mức độ của thiệt hại xảy ra; công cụ, phương tiện, phương pháp, thủ đoạn, thời gian, địa điểm, hoàn cảnh phạm tội; tuổi và năng lực TNHS của người phạm tội. Tất cả những yếu tố này có tầm rất quan trọng mà Tòa án cần phải xem xét một cách toàn diện để đánh giá đúng tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm cụ thể để đưa ra một phán quyết chính xác nhất.

Ba là, căn cứ nhân thân người phạm tội. Ở dạng khái quát nhất có thể hiểu nhân thân đó là một khái niệm nhiều mặt, bao gồm những đặc điểm, đặc tính khác nhau thể hiện bản chất xã hội, thể hiện tính cá biệt và tính không lặp lại của người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị pháp luật hình sự coi là tội phạm. Những đặc điểm, đặc tính đó mang tính chất chính trị - xã hội, tâm lý, đạo đức, sinh lý.

Để QĐHP đúng một trong những đòi hỏi quan trọng là phải làm rõ những đặc điểm, đặc tính về nhân thân người phạm tội. Những đặc điểm, đặc tính về nhân thân người phạm tội được thể hiện trong lý lịch bị can, bị cáo và các tài liệu khác có liên quan. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án phải chứng minh những đặc điểm, đặc tính về nhân thân của bị can, bị cáo.

Cần phân biệt “Nhân thân người phạm tội” với “Chủ thể của tội phạm”. Khái niệm “Chủ thể của tội phạm” thực hiện chức năng của một trong những yếu tố của CTTP – cơ sở của TNHS, còn khái niệm “Nhân thân người phạm tội” thực hiện chức năng của một trong những căn cứ của việc QĐHP.

Bốn là, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS. Các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS *“là những tình tiết thể hiện tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm và của nhân thân người phạm tội, tức là chúng cũng thuộc hai căn cứ QĐHP nói trên. Tuy nhiên, các tình tiết này có thể được coi là căn cứ giữ vai trò định hướng cho việc xác định mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm và nhân thân người phạm tội vì hai căn cứ trên là hai căn cứ chung và tương đối phức tạp khi xác định”* [36, tr.213].

Các tình tiết giảm nhẹ (Điều 46 BLHS), các tình tiết tăng nặng TNHS (Điều 48 BLHS), được xem là một căn cứ khi QĐHP, nhưng thực ra nội dung đã được bao hàm trong các căn cứ “tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội” và căn cứ “nhân thân người phạm tội”, đồng thời về hình thức nó không tách rời căn cứ “quy định của BLHS”. Nhưng theo nguyên tắc thì pháp luật hình sự càng cụ thể chi tiết càng dễ áp dụng, vì thế luật hình sự vẫn xem đây là nguyên tắc độc lập nhằm mục đích bắt buộc Tòa án phải cân nhắc riêng các tình tiết này (nếu có) trong mối quan hệ với toàn bộ nội dung vụ án để đi đến quyết định tăng nặng hay giảm nhẹ TNHS và hình phạt trong khung hình phạt. Như vậy các tình tiết tăng nặng hay giảm nhẹ TNHS cũng phản ánh mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, Điều 46 và Điều 48 BLHS chỉ quy định một số tình tiết cụ thể, vì vậy theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo luật cho

phép Tòa án có thể xem các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ khi QĐHP nhưng phải ghi rõ trong bản án.

### **2.3. Những vi phạm, sai lầm trong thực tiễn định tội danh, quyết định hình phạt đối với tội chống người thi hành công vụ tại Thành phố Hồ Chí Minh và nguyên nhân**

#### ***2.3.1. Những vi phạm, sai lầm trong thực tiễn định tội danh và quyết định hình phạt***

##### *2.3.1.1. Những vi phạm, sai lầm trong thực tiễn định tội danh*

Trên thực tế những quy định về tội chống người thi hành công vụ, cả về mặt chủ quan lẫn khách quan đều chưa chặt chẽ, rất dễ gây nhầm lẫn với những tội phạm khác, dẫn đến sự sai lệch trong quá trình định tội danh, *bên cạnh đó* những nguyên nhân xuất phát từ đội ngũ thi hành pháp luật mà chủ yếu là Viện kiểm sát và Tòa án cũng chiếm một phần không nhỏ. Pháp luật có những quy định không chặt chẽ, không rõ ràng, khả năng ứng dụng vào thực tế không cao cùng với những hạn chế trong trình độ, năng lực và kinh nghiệm nghề nghiệp của đội ngũ thi hành pháp luật dễ dẫn tới những trường hợp xác định sai tội phạm, nhầm lẫn giữa tội chống người thi hành công vụ và những tội phạm khác như: Tội cố ý gây thương tích, Tội gây rối trật tự công cộng... điều đó cũng ảnh hưởng tới quá trình phòng chống Tội chống người thi hành công vụ. Quá trình xử lý những hành vi chống lại người thi hành công vụ không thực sự đạt được hiệu quả cao còn do nguyên nhân xuất phát từ việc xử lý kém nghiêm minh của các cơ quan thực thi pháp luật, có những trường hợp đáng lẽ phải xử lý về hình sự nhưng lại được nhân nhượng và xử phạt theo luật hành chính. Những tồn đọng và hạn chế trên sẽ gây ảnh hưởng rất lớn đến quá trình xử lý những hành vi chống người thi hành công vụ, làm giảm tính nghiêm minh của pháp luật cũng như làm thuyên giảm niềm tin của người dân đối với những quy định của pháp luật và cả đội ngũ những người thi hành pháp luật. Thực tiễn hoạt động định tội

đanh tội chống người thi hành công vụ tại Thành phố Hồ Chí Minh thời gian từ 2012 đến 2016 có những vi phạm, sai lầm sau:

*- Tội khác nhưng lại xử Tội chống người thi hành công vụ.*

Ví dụ: Do trước đó có mâu thuẫn trong tham gia giao thông giữa Nguyễn Thanh Tuấn và anh Đỗ Văn Vinh, nên anh Vinh có tát 02 cái vào đầu và mặt của Tuấn. Ngày 18/10/2015, Tuấn đi đám giỗ về, trong người có rượu, nhớ lại chuyện bị anh Vinh đánh, Tuấn về nhà lấy 01 con dao bấm (dài khoảng 20cm) đi bộ đến nhà anh Vinh. Khi gặp anh Vinh đang ngồi sửa xe, quay lưng hướng ngoài đường, Tuấn cầm dao bằng tay trái đâm từ phía sau anh Vinh 03 cái vào vùng lưng và hông của anh Vinh gây thương tích rồi bỏ về. Anh Vinh được đưa đi cấp cứu và điều trị.

Tại bản kết luận giám định pháp y số 952/TgT.15 ngày 04/12/2015 của Trung tâm pháp y Sở y tế Thành phố Hồ Chí Minh kết luận thương tích của Đỗ Văn Vinh như sau: Vết thương thấu bụng gây thủng ruột non 04 lỗ, thủng rách mạc nối lớn, đã được phẫu thuật mở bụng khâu cầm máu mạc nối lớn, khâu ruột non, hiện còn sẹo đâm kích thước: 1,7x0,15cm tại hông lưng trái, sẹo mổ và dẫn lưu tại vùng bụng. Thương tích do vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc gây ra. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 56% (Năm mươi sáu phần trăm).

Vào khoảng 14 giờ 15 phút ngày 18/10/2015, Công an xã Trung An, huyện Củ Chi nhận được tin báo của nhân dân có vụ “Cố ý gây thương tích” ở ấp An Hòa, xã Trung An, huyện Củ Chi, nên công an xã phân công các công an viên gồm: Ông Nguyễn Văn Quốc, Trần Văn Thắng và ông Nguyễn Phương Thảo cùng 02 dân quân là ông Nguyễn Hoàng Cường và ông Hồ Minh Thuận đến giải quyết. Khi đến nơi thì ông Quốc yêu cầu Tuấn về trụ sở công an xã để làm việc, lúc này Tuấn cầm 01 cái phảng và 01 con dao bấm đuổi theo chém ông Quốc, ông Quốc có bắn chỉ thiên 03 phát bằng công cụ hỗ trợ, nhưng Tuấn vẫn đuổi theo, chạy được khoảng 30 mét thì ông Quốc nhặt được đoạn cây tầm vông

quay lại, Tuấn xông vào đánh ông Quốc trúng vào vai gây thương tích (tỷ lệ thương tật 8%), ông Quốc cùng các công an viên khác đã khống chế buộc Tuấn buông hung khí và đưa Tuấn về trụ sở, trên đường đi ông Cường điều khiển xe Exciter chở Tuấn ngồi giữa và ông Thắng ngồi sau cùng, đi được khoảng 800 mét thì Tuấn cắn vào vai ông Cường 02 cái làm trầy sướt da, kích thước 0,1x2,5cm và 0,2x2,5cm và dùng chân đạp vào thắng xe làm cho cả 03 té ngã, lực lượng tiếp tục khống chế Tuấn đưa về trụ sở Công an xã lập hồ sơ bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang chuyển cho cơ quan Cảnh sát điều tra.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thanh Tuấn đã thừa nhận hành vi như đã nêu trên. Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 69/2016/HSST ngày 29/3/2016 của TAND huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử bị cáo Nguyễn Thanh Tuấn phạm tội “cố ý gây thương tích” và “Chống người thi hành công vụ”. Áp dụng Khoản 3 Điều 104, và Khoản 1 Điều 257 điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 50; Điều 69; Điều 74 BLHS năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh Tuấn 07 (Bảy) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, 02 (Hai) năm tù về tội “chống người thi hành công vụ”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 09 (Chín) năm tù. Thời hạn tù tính kể từ ngày 18/10/2015.

Theo quan điểm cá nhân tác giả, trong vụ án này Nguyễn Thanh Tuấn phạm tội “Cố ý gây thương tích trong trường hợp để cản trở người thi hành công vụ” quy định tại Điểm k Khoản 1 Điều 104 BLHS năm 1999”.

*- Truy tố sai khung hình phạt.*

Ví dụ: Huỳnh Thế Phong là đối tượng có 02 tiền án gồm năm 2009 bị TAND huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù và năm 2012 bị TAND huyện Hóc Môn xử phạt 02 năm tù về tội cướp tài sản.

Vào lúc 22 giờ 30 phút ngày 09/10/2015, sau khi uống rượu về, Huỳnh Thế Phong lấy 01 con dao bằng kim loại màu trắng dài 25cm, rộng 10cm và 01

kéo bằng kim loại dài 10cm đuôi đánh cha mẹ là ông Vy Văn Phương và bà Huỳnh Kim Xinh. Nhận được tin báo, đồng chí Huỳnh Văn Em – Phó trưởng công an xã Trung An, huyện Củ Chi phân công đồng chí Huỳnh Văn Hải là công an viên và đồng chí Hồ Văn Lê Nguyên là áp đội trưởng đến hiện trường giải quyết vụ việc. Khi đi, đồng chí Hải mặc trang phục công an xã, đồng chí Nguyên mặc trang phục dân quân đi làm nhiệm vụ. Khi Hải và Nguyên đến nhà Phong thì thấy Phong đang cầm dao, kéo la hét nên đồng chí Hải yêu cầu Phong bỏ hung khí xuống về trụ sở làm việc. Phong bỏ hung khí xuống, nhưng không chấp hành việc về trụ sở để làm việc và dùng tay phải đấm vào mặt đồng chí Hải và tiếp tục dùng tay trái đấm vào mặt đồng chí Hải làm rơi mắt kính và rách da đuôi mày phải của đồng chí Hải. Sau đó công an xã Trung An cử lực lượng đến hỗ trợ bắt giữ Phong đưa về trụ sở làm việc. Quá trình điều tra Phong khai nhận toàn bộ hành vi. Tại bản cáo trạng số 12/CTr/VKS-HS ngày 08/12/2015, VKSND huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Huỳnh Thế Phong về tội chống người thi hành công vụ theo khoản 1 Điều 257 của BLHS. Tại bản án số 23/2016/HSST của TAND huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh đã áp dụng Điều 196 của BLTTHS năm 2003; điểm đ khoản 2 Điều 257, điểm p khoản 1 Điều 46 của BLHS năm 1999 xử phạt Huỳnh Thế Phong 03 năm 06 tháng tù.

#### *2.3.1.2. Những vi phạm, sai lầm trong thực tiễn QĐHP*

Tương tự như định tội danh, thực tiễn QĐHP đối với tội chống người thi hành công vụ tại Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016 cũng có những vi phạm, sai lầm sau đây:

*- Áp dụng hình phạt quá nhẹ.*

Ví dụ: Vào khoảng 20 giờ 10 phút ngày 11/7/2015, nhận được tin báo của quần chúng, Phạm Văn Hòa uống rượu say về đánh vợ là bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng gây thương tích nên công an xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi cử ông Đỗ Văn Nây, ông Nguyễn Tấn Quốc và ông Nguyễn Thanh Thắng là công an viên đến để giải quyết vụ việc. Khi đi các ông đều mặc đồng phục công an xã. Đến



nơi, bà Hồng chuẩn bị đi bệnh viện điều trị, ông Quốc giải thích với Hòa hành vi đánh vợ gây thương tích là vi phạm pháp luật, đồng thời yêu cầu Hòa về trụ sở công an xã làm việc. Hòa không chấp hành mà vào nhà bếp lấy 01 con dao lưỡi bằng kim loại dài 23cm, cán bằng gỗ dài 12cm ra đứng đối diện với ông Quốc dọa chém và đẩy ông Quốc thụt lùi khoảng 2 đến 3m thì vướng vào xe máy. Lúc này, Hòa tiến đến dùng tay trái nắm cổ áo ông Quốc, tay phải cầm dao chém từ trên xuống trúng vào đầu ông Quốc làm bể kính chắn gió mũ bảo hiểm và 01 vết lún vào mũ bảo hiểm ông Quốc đang đội trên đầu. Công an xã Phú Mỹ Hưng lập biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang chuyển cơ quan cảnh sát điều tra huyện Củ Chi xử lý và Hòa khai nhận hành vi nói trên. Tại bản án số 282/2015/HSST ngày 29/9/2015, TAND huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt Phạm Văn Hòa 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.

Trong vụ án nêu trên, xét về tính chất, mức độ hành vi của Phạm Văn Hòa là rất nguy hiểm, manh động, khi được mời về trụ sở công an xã làm việc thì Hòa đã tấn công người ngay lập tức người thi hành công vụ. Do đó, cần có hình phạt tương xứng. Theo tác giả, việc xử phạt Hòa 06 tháng tù là quá nhẹ so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của Phan Thanh Hòa.

*- Áp dụng hình phạt quá nặng.*

Diễn hình như vụ án như sau: Khoảng 6h30 ngày 02/7/2011, được sự phân công của cấp trên, hai cảnh sát giao thông là Nguyễn Đức Ánh và Vũ Quang Long tuần tra, kiểm soát trật tự an toàn trên địa bàn.

Phát hiện bà Trương Thị Hạnh (37 tuổi) đang điều khiển xe máy chạy ngược chiều, phía sau chở Phạm Thị Mỹ Linh và em trai là Phạm Quang Minh (16 tuổi), cảnh sát Ánh ra hiệu lệnh dừng xe và bà Hạnh đã chấp hành. Trong khi cảnh sát Ánh lập biên bản vi phạm hành chính thì bà Hạnh giật cuốn biên bản, giấy chứng nhận đăng ký xe và đẩy xe đi. Không đồng ý với thái độ này của bà Hạnh, cảnh sát Ánh và Long đã giữ xe lại để lập biên bản vi phạm hành chính. Thấy vậy, Phạm Thị Mỹ Linh liền dùng tay phải xô đẩy đồng chí Ánh 3 cái ra

giữa đường, sau đó xô đồng chí Long ra và đánh liên tiếp 4 cái, trúng vào mặt 2 cái, vào vai phải 1 cái và 1 cái không trúng. Đồng thời Linh la hét lớn, mệt mỏi rồi ngất xỉu.

Khi vụ việc xảy ra, đồng chí Ánh và Long không có hành động chống trả, giải quyết tình trạng ùn tắc giao thông do người đi đường đứng xem, sau đó gọi điện cho Công an phường Thới An đến hỗ trợ và yêu cầu bà Hạnh và Linh về trụ sở Công an phường giải quyết. Sau đó, Linh bị VKSND Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh bị truy tố về hành vi chống người thi hành công vụ. Ngày 23/8/2011, TAND Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt Phạm Thị Mỹ Linh 09 tháng tù. Bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo. Ngày 09/01/2012, TAND Thành phố Hồ Chí Minh xử phúc thẩm vụ án và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo còn 06 tháng tù.

### ***2.3.2. Nguyên nhân của những vi phạm, sai lầm***

- Do BLHS quy định chưa đầy đủ, cụ thể

Tồn tại lớn nhất trong thực tiễn áp dụng pháp luật về tội chống người thi hành công vụ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh xuất phát từ những hạn chế trong quy định pháp luật về tội chống người thi hành công vụ. Hiện nay trong hệ thống pháp luật nước ta những quy định về tội chống người thi hành công vụ còn mang tính chất chung chung, chưa cụ thể trong khi đó hành vi chống người thi hành công vụ lại diễn ra trên nhiều lĩnh vực, tính chất phạm tội của các đối tượng thực sự rất nghiêm trọng, nhất là trong lĩnh vực phòng chống ma túy, buôn lậu, giao thông trật tự...

Những quy định về Tội chống người thi hành công vụ tại Điều 257 BLHS năm 1999 cũng như những văn bản hướng dẫn thi hành đều không thực sự chặt chẽ. Nhất là tại khoản 1 Điều 257, những quy định trong mặt khách quan của tội chống người thi hành công vụ chưa thực sự rõ ràng, khiến cho quá trình định tội

đang gặp rất nhiều khó khăn và không ít trường hợp nhầm lẫn với các loại tội phạm khác như tội: Cố ý gây thương tích, Gây rối trật tự công cộng...

Khoản 1, Điều 257 BLHS năm 1999 nên kế thừa quy định loại trừ tội phạm “*nếu không thuộc trường hợp quy định ở điều...*”, quy định như vậy sẽ làm rõ hơn về Tội chống người thi hành công vụ tránh sự nhầm lẫn trong quá trình xét xử, bởi như đã nói, hành vi chống người thi hành công vụ là cơ sở dấu hiệu của nhiều tội phạm khác.

Một số tình tiết định khung tăng nặng tại khoản 2 Điều 257 còn chung chung, định tính như: Phạm tội nhiều lần; gây hậu quả nghiêm trọng. Điều này đã được BLHS năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015 khắc phục.

- Hướng dẫn thi hành pháp luật chưa đầy đủ, kịp thời.

Nhận thấy những quy định tại Điều 257 BLHS về tội chống người thi hành công vụ còn nhiều kẽ hở, chưa thực sự cụ thể và rõ ràng, chính vì vậy, để hỗ trợ cho việc hiểu đúng và áp dụng một cách khoa học những quy định tại Điều 257 vào thực tế cuộc sống, các nhà làm luật ở nước ta đã có những văn bản hướng dẫn thi hành về tội chống người thi hành công vụ cũng như những vấn đề liên quan đến hoạt động công vụ nhằm làm rõ hơn những quy định tại Điều 257, góp phần tạo nên sự thống nhất trong cách hiểu, cách áp dụng những quy định của điều luật này vào những tình huống cụ thể trong đời sống, tránh trường hợp xét xử sai hoặc nhầm lẫn trong quá trình định tội danh.

Khi đi vào nghiên cứu những quy định của pháp luật về tội chống người thi hành công vụ còn một số vấn đề mà các nhà làm luật chưa điều chỉnh, chưa có các văn bản hướng dẫn thi hành kịp thời, để tạo nên sự đồng nhất trong cách hiểu, và làm cơ sở để các cơ quan chức năng căn cứ vào đây để xử lý các hành vi vi phạm liên quan đến người thi hành công vụ như sau:

Mặc dù để hỗ trợ cho việc áp dụng những quy định trong BLHS về tội chống người thi hành công vụ Hội đồng Thẩm phán TANDTC đã ban hành Nghị quyết 04-HĐTPTANDTC/NQ hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần các tội phạm của BLHS ngày 29/11/1986, Nghị quyết đã đưa ra khái niệm về người thi hành công vụ, tuy nhiên giải thích về người thi hành công vụ tại Nghị quyết 04-HĐTPTANDTC/NQ so với tình hình tội phạm ngày càng phức tạp hiện nay lại có phần không phù hợp, bởi những giải thích ấy là dựa trên những quy định của BLHS năm 1985 và tình hình đất nước trong những ngày đầu của công cuộc đổi mới. Chính vì vậy cần phải ban hành một văn bản mới, giải thích cụ thể về Tội chống người thi hành công vụ thay cho Nghị quyết 04-HĐTPTANDTC/NQ, trong đó giải thích cụ thể hơn về năm tình tiết định khung tăng nặng được quy định tại Khoản 2, Điều 257 về tội chống người thi hành công vụ tại BLHS năm 1999.

Cần phải có văn bản hướng dẫn thi hành cụ thể về đường lối xử lý đối với hành vi dùng vũ lực chống người thi hành công vụ ở nơi công cộng, đưa ra các tiêu chí phân biệt giữa Tội chống người thi hành công vụ và các tội như tội gây rối trật tự công cộng, tội cố ý gây thương tích... bởi trên thực tế, giữa các tội phạm này có rất nhiều đặc điểm giống nhau, gây khó khăn trong quá trình định tội danh.

- Công tác điều tra, truy tố chưa bảo đảm đúng quy định của BLTTHS.

Trong một số vụ án, các cơ quan THTT còn bộc lộ nhiều yếu kém và sai sót, lỏng lẻo, nhân nhượng, không nghiêm minh trong quá trình xử lý các vụ án. Một bộ phận không nhỏ những người thực thi pháp luật không giữ vững đạo đức nghề nghiệp, quá trình xử lý các vụ án còn chịu ảnh hưởng và bị chi phối bởi nhiều yếu tố khách quan và chủ quan.

- Năng lực của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân.

Trong xét xử các vụ án về tội chống người thi hành công vụ, lực lượng Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân còn có những hạn chế, sai lầm như đã phân tích ở mục 2.3.1. Nhất là lực lượng Hội thẩm nhân dân dành rất ít thời gian để nghiên cứu hồ sơ vụ án, thậm chí có Hội thẩm khi đến phiên tòa mới đọc cáo trạng để nắm bắt vụ án. Vì vậy, dễ dẫn đến những hạn chế, sai lầm trong định tội danh và QĐHP đối với tội chống người thi hành công vụ.

## **Kết luận Chương 2**

Khoa học pháp lý hình sự chỉ ra rằng định tội danh và QĐHP là hai hoạt động thực tiễn của Tòa án có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thể hiện ý chí, quan điểm của cơ quan THTT nhân danh Nhà nước khi lên án và trừng trị đối với tội phạm hình sự nói chung và tội chống người thi hành công vụ nói riêng.

Việc phân tích các nội dung lý luận của hoạt động định tội danh và QĐHP, đồng thời tìm hiểu thực tế hai hoạt động trên tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giúp cho chúng ta hiểu rõ hơn nội dung và ý nghĩa của hai hoạt động áp dụng pháp luật này.

Đối với tội chống người thi hành công vụ, việc tìm hiểu các vấn đề lý luận và thực tiễn về hai hoạt động áp dụng pháp luật nói trên giúp chúng ta nắm bắt được những vấn đề bất cập, thiếu phù hợp của các QPPL khi áp dụng vào thực tiễn để định tội danh và QĐHP cho một tội hoặc một nhóm tội.

### **Chương 3**

## **CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ TỘI CHỐNG NGƯỜI THI HÀNH CÔNG VỤ**

### **3.1. Hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự Việt Nam về tội chống người thi hành công vụ**

Quốc hội đã thông qua BLHS năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung BLHS năm 2017. Theo hai đạo luật này, tội chống người thi hành công vụ được quy định như sau:

Điều 330 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

“1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ của họ hoặc ép buộc họ thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Phạm tội 02 lần trở lên;
- c) Xúi giục, lôi kéo, kích động người khác phạm tội;
- d) Gây thiệt hại về tài sản 50.000.000 đồng trở lên;
- đ) Tái phạm nguy hiểm.”

So với BLHS năm 1999 thì cấu thành cơ bản của tội phạm này vẫn giữ nguyên. Về cấu thành tăng nặng tại điểm b khoản 2 có điểm mới là định lượng cụ thể số lần phạm tội để định khung hình phạt “phạm tội 02 lần trở lên” so với “phạm tội nhiều lần” và điểm d khoản 2 quy định “gây thiệt hại về tài sản 50.000.000 đồng trở lên” so với “gây hậu quả nghiêm trọng” như quy định của BLHS năm 1999. Việc quy định về định lượng cụ thể của BLHS năm 2015, Luật

sửa đổi, bổ sung BLHS năm 2017 tạo điều kiện cho các cơ quan, người THTT áp dụng được thuận lợi, dễ dàng hơn.

Áp dụng pháp luật là một hình thức thực hiện pháp luật, trong đó Nhà nước thông qua các cơ quan có thẩm quyền hoặc nhà chức trách tổ chức cho các chủ thể pháp luật thực hiện những quy định của pháp luật, hoặc tự mình căn cứ vào các quy định của pháp luật ra các quyết định áp dụng pháp luật vào trong những trường hợp cụ thể của đời sống xã hội.

Áp dụng pháp luật hình sự là hoạt động mang tính tổ chức, thể hiện quyền lực tư pháp của Nhà nước, được thực hiện thông qua hệ thống các cơ quan TAND, VKSND, Cơ quan điều tra nhằm cá biệt hóa những QPPL hình sự vào các trường hợp cụ thể đối với các cá nhân, pháp nhân cụ thể.

Hoạt động này có ý nghĩa đưa các QPPL hình sự vào áp dụng trong thực tế để giải quyết vụ án hình sự. Tuy nhiên các QPPL hình sự chỉ thực sự thể hiện được ý nghĩa của nó nếu nó được áp dụng đúng và việc áp dụng được thực hiện với đúng chủ thể. Vì vậy, các cơ quan THTT và những người THTT trên cơ sở nền tảng các khung pháp lý đã có, cần phải lựa chọn được ra đúng QPPL hình sự và xác định đúng chủ thể được áp dụng các QPPL hình sự đó, sau đó tiến hành thực hiện các biện pháp áp dụng các QPPL hình sự đó đối với chủ thể đã được xác định. Quá trình này còn được gọi là quá trình áp dụng pháp luật hình sự của cơ quan THTT, được thực hiện bởi những người THTT. Lựa chọn đúng QPPL hình sự để áp dụng và xác định đúng chủ thể được áp dụng pháp luật hình sự là hai công việc quan trọng cần phải làm đúng và không được phép sai sót để áp dụng đúng các QPPL hình sự khi giải quyết vụ án hình sự, chỉ một trong hai yếu tố trên bị các chủ thể THTT xác định sai thì việc áp dụng pháp luật hình sự của các cơ quan THTT sẽ được coi là sai, thậm chí có thể coi là hành vi vi phạm pháp luật và có thể truy cứu TNHS nếu có đủ các dấu hiệu của tội phạm hình sự.

Việc hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự vì vậy vừa phải đáp ứng được yêu cầu cập nhật những nội dung mới nhất của các QPPL hình sự, đặc biệt là

những sửa đổi, bổ sung của các quy phạm này; vừa phải thể hiện được vai trò là “người thầy” chỉ dẫn cách hiểu và cách vận dụng các quy phạm ấy vào trong hoạt động tố tụng, tức là việc chỉ dẫn và giải thích này vừa phải đúng nhưng vừa cần phải nhanh chóng để sớm đem lại hiệu quả áp dụng pháp luật trong thực tế.

### **3.2. Hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội phạm chống người thi hành công vụ**

Theo quy định của Hiến pháp năm 2013 của nước CHXHCN Việt Nam, Nhà nước ta là một Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Điều 2 Hiến pháp 2013 quy định: “Nhà nước CHXHCN Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân”. Yêu cầu tối thượng của Nhà nước pháp quyền là đề cao vai trò của Hiến pháp và pháp luật. Tất cả mọi chủ thể pháp luật, từ cá nhân, cơ quan, tổ chức, kể cả Nhà nước cũng đều phải tôn trọng và nghiêm chỉnh thực hiện pháp luật.

Đối với những quy định trong các điều luật khác của BLHS tội phạm “chống người thi hành công vụ” những vấn đề cần làm rõ sau đây:

*Thứ nhất*, việc hoàn thiện các quy định trong các Điều 93, 103, 117, 118, 121, 122, 123, và 143 BLHS, theo hướng quy định của các điều luật này phải thể hiện rõ và đầy đủ các động cơ của người phạm tội để làm phương hướng giải quyết trong thực tế xét xử.

*Thứ hai*, trong BLHS hiện hành, trừ quy định ở điểm k khoản 1 Điều 104 “để cản trở người thi hành công vụ”, còn các quy định ở điểm d khoản 1 Điều 93; điểm b khoản 2 Điều 103; điểm d khoản 2 Điều 117; điểm d khoản 2 Điều 118; điểm d khoản 2 Điều 121; điểm d khoản 2 Điều 122; điểm c khoản 2 Điều 123; điểm đ khoản 2 Điều 143 đều hoặc không phản ánh được động cơ của người phạm tội, hoặc đã phản ánh nhưng không đầy đủ. Trong quy định của những điều luật này, yếu tố “giết người đang thi hành công vụ”, “đối với người thi hành công vụ”, hoặc “vì lý do công vụ của nạn nhân” mới chỉ phản ánh được



thực tế khách quan là hành vi phạm tội xảy ra đối với người thi hành công vụ hoặc trả thù vì lý do công vụ mà chưa phản ánh được động cơ của người phạm tội trong một số trường hợp còn là để cản trở người thi hành công vụ thực hiện nhiệm vụ của họ.

Những vướng mắc và đề xuất cụ thể như trên nếu được giải quyết thì việc xử lý hành vi chống người thi hành công vụ sẽ có hướng đi thuận lợi hơn, nhằm đảm bảo pháp chế xã hội chủ nghĩa và dần dần giảm thiểu hành vi này trong xã hội.

Qua nghiên cứu tình hình thực tế về những vấn đề trên việc tăng cường tuyên truyền, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của công dân, nâng chế tài xử lý nghiêm khắc hơn đối với người vi phạm để răn đe, còn cần phải nâng cao trình độ pháp luật, nghiệp vụ và chấn chỉnh tư thế tác phong, lề lối làm việc cho những người thi hành công vụ. Người thi hành công vụ phải thực sự tôn trọng nhân dân, có thái độ đúng mực; làm việc đúng quy định của pháp luật, của ngành, làm đúng nguyên tắc nhưng không cứng nhắc; phải coi trọng các biện pháp bảo vệ sự an toàn của bản thân và của người khác. Đặc biệt, cần rèn luyện kỹ năng giao tiếp, biết giải thích, biết vận động quần chúng để người vi phạm phải tôn trọng và tâm phục, khẩu phục khi bị xử lý. Trong quá trình làm nhiệm vụ, lãnh đạo chỉ huy các đơn vị cần quan tâm trang bị đầy đủ vũ khí, công cụ hỗ trợ, có phương án công tác, đôn đốc cán bộ, chiến sĩ thực hiện đúng nhiệm vụ được phân công để vừa đảm bảo hiệu quả công tác, vừa có thể phòng ngừa, hỗ trợ lẫn nhau trong các tình huống xảy ra hành vi chống người thi hành công vụ; tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân, đồng thời kiên quyết, mưu trí không chể, vô hiệu hóa hành vi chống đối của đối tượng vi phạm và giải quyết vụ việc theo đúng quy định của pháp luật.

Để hiệu quả của công tác đấu tranh phòng, ngừa tội phạm nói chung và tội chống người thi hành công vụ nói riêng phụ thuộc rất nhiều vào hoạt động của các cơ quan pháp luật, đặc biệt là các cơ quan THTT – các cơ quan trực tiếp giải

quyết đối với các trường hợp có dấu hiệu của tội phạm hình sự, đảm bảo sự công bằng trong việc xử lý các hành vi về tội chống người thi hành công vụ. Tuy nhiên, để hoạt động của các cơ quan này luôn đúng pháp luật, thực hiện đúng công tác truy cứu TNHS, không bỏ lọt tội phạm và không xử lý oan người vô tội thì yếu tố đầu tiên cần phải có là một khung pháp lý vững chắc, rõ ràng. Vì vậy, hoàn thiện pháp luật hình sự luôn là đòi hỏi đầu tiên và mang tính cấp thiết không ngừng nhằm đảm bảo cho hoạt động đúng pháp luật của các cơ quan THTT.

Dưới góc độ nghiên cứu hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về tội chống người thi hành công vụ, tác giả đề xuất một số biện pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội chống người thi hành công vụ như sau:

*Một là*, nghiên cứu hoàn thiện pháp luật theo hướng tăng nặng hình phạt tù hơn nữa để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và đủ sức răn đe giáo dục người chưa phạm tội sẽ không phạm tội và người đã phạm tội không tái phạm..

*Hai là*, nghiên cứu về ứng dụng khoa học thống kê trong thống kê tội phạm chống người thi hành công vụ lấy tiêu chí người thi hành công vụ bị tấn công hoặc giết chết làm trung tâm thống kê. Việc thống kê chú trọng các số liệu có thể phản ánh được đầy đủ đặc điểm nhân thân người bị hại, phương thức gây án, thời gian địa điểm gây án... để có thể phác họa bức tranh đầy đủ về tình hình tội phạm này giúp cho công tác nghiên cứu, hoạch định chiến lược, kế hoạch đấu tranh đối với tội phạm này có hiệu quả cao nhất.

*Ba là*, nghiên cứu các giải pháp tăng quyền hạn của người thi hành công vụ như có quyền bắt giữ đối tượng để đảm bảo cho hoạt động công vụ được thi hành. Đặc biệt, hiện nay pháp luật Việt Nam đã cho phép người thi hành công vụ nổ súng trong trường hợp cần thiết nhưng không quy định rõ ràng về cơ chế bảo đảm miễn trách nhiệm cho người thi hành công vụ trong những trường hợp

người thi hành công vụ phải tự suy xét đưa ra quyết định hành động hay không hành động, mặc dù có quy định về việc cho nổ súng nhưng thực tế chưa có trường hợp nào dám nổ súng vì sợ trách nhiệm. Vì vậy đôi khi việc sở hữu súng lại trở thành điểm bất lợi cho người thi hành công vụ.

*Bốn là*, nghiên cứu ban hành các ấn phẩm phổ biến hướng dẫn công dân biết quyền và nghĩa vụ của họ trong trường hợp phải tiếp xúc với lực lượng thi hành công vụ, tập trung vào các loại công vụ thường bị tấn công trên thực tế và những công vụ thường xuyên liên quan mật thiết với đời sống thường nhật của công dân. Điều đó một mặt giúp cho mọi công dân đều biết ứng xử đúng đắn trong khi phải chấp hành công vụ, đồng thời sự hiểu biết của người dân cũng là giới hạn để tránh sự lạm quyền từ phía những người thi hành công vụ.

### **3.3. Tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về tội chống người thi hành công vụ**

Thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự là phản ánh sự phù hợp của các QPPL hình sự đối với đời sống xã hội, với một xã hội mà ở đó tình hình tội phạm nói chung và tình hình tội phạm đối với một tội hoặc (nhóm tội) cụ thể nói riêng có dấu hiệu suy giảm rõ rệt; công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm không làm xảy ra dư luận xấu đồng thời được sự ủng hộ của quần chúng nhân dân có nghĩa là các cơ quan áp dụng pháp luật đã làm đúng chức năng, nhiệm vụ của mình, bảo vệ được quyền lợi của công dân và Nhà nước trong xã hội đó, được xã hội ủng hộ. Điều đó cũng phản ánh một xã hội tiên tiến với ý thức pháp luật của cả xã hội đã được nâng cao và với một nền tảng pháp luật vững chắc được xây dựng ở một trình độ pháp lý cao.

Tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự là hoạt động của các cơ quan pháp luật (trong đó chủ yếu là các cơ quan THTT) tổng hợp kinh nghiệm giải quyết vụ án hình sự, tổng hợp việc áp dụng pháp luật hình sự trong hệ thống các cơ quan THTT theo những chủ đề nhất định và trong một khoảng thời gian nhất định. Thông thường đây là hoạt động diễn ra trong nội bộ cơ quan và nội bộ của

ngành hoặc giữa các cơ quan liên ngành với nhau theo khoảng thời gian mang tính chu kỳ và cách thức đều ổn định (như hàng tháng, hàng quý, hàng năm, hoặc theo năm công tác theo quy định ngành đó). Đây cũng có thể là hoạt động giữa các cơ quan THTT trong nước với các cơ quan THTT quốc tế (đặc biệt là với các nước láng giềng) được diễn ra nhằm tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự giữa các quốc gia sau những khoảng thời gian nhất định cùng phối hợp trong công tác giải quyết các vụ án hình sự.

Trong hoạt động tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự, các chủ thể tham gia tổng kết tiến hành nêu lên các kết quả và thành tựu đạt được trong quá trình áp dụng các QPPL vào giải quyết vụ án hình sự trong thực tiễn như: Nêu lên các vụ án tiêu biểu; các đường lối xử lý vụ án hình sự đúng đắn và nhanh chóng; các văn bản thực hiện quyền tư pháp của Nhà nước (như bản án, quyết định) có tính mẫu mực và chính xác cao nhằm tuyên dương đồng thời làm tấm gương, tiêu chí để các chủ thể khác học tập và noi theo.

Bên cạnh việc nêu lên các kết quả và thành tựu đạt được, các chủ thể tham gia hoạt động tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự còn nêu lên những sai lầm, vướng mắc trong hoạt động áp dụng các QPPL vào thực tiễn giải quyết vụ án hình sự như: Nêu lên các vụ án oan sai hoặc các vụ án có đường lối giải quyết sai lầm, chưa đúng đắn; các văn bản áp dụng pháp luật hình sự được ban hành không đúng thẩm quyền hoặc lựa chọn sai quy định của pháp luật để áp dụng trong giải quyết vụ án hình sự hoặc áp dụng không đúng đối tượng; hoặc các vụ án hình sự quá thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật .v.v...

Từ việc đánh giá hiệu quả của các QPPL hình sự khi áp dụng vào giải quyết vụ án hình sự, các chủ thể tham gia hoạt động tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự tiến hành đưa ra những đường lối giải quyết, khắc phục những sai lầm, vướng mắc; hoặc đề nghị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có các biện pháp xem xét và ban hành các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật cụ thể

theo hướng sửa đổi, bổ sung, giải thích các QPPL còn thiếu rõ ràng, hoặc hủy bỏ và thay thế bằng một văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật mới cụ thể hơn.

Việc tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự giúp phản ánh được những vấn đề chưa phù hợp của các QPPL hình sự khi áp dụng vào thực tiễn, qua đó nhà làm luật sẽ phân tích và đánh giá nguyên nhân dẫn đến sự chưa phù hợp đó để đưa ra các giải pháp sửa đổi các QPPL hình sự sao cho tính phù hợp của các QPPL này đối với thực tế được nâng cao hơn, đảm bảo tính khả thi cao của các QPPL hình sự khi được đưa vào vận dụng để giải quyết vụ án hình sự.

### **3.4. Nâng cao năng lực của cán bộ áp dụng pháp luật hình sự về tội chống người thi hành công vụ**

Chất lượng xử lý tội phạm hình sự nói chung và xử lý tội chống người thi hành công vụ nói riêng của cơ quan pháp luật phụ thuộc rất lớn vào năng lực của những người làm pháp luật, mà ở đây chủ yếu là những người THPT. Kể cả với những QPPL hình sự thể hiện trình độ pháp lý cao, nhưng nếu các chủ thể áp dụng pháp luật hình sự là những người thiếu năng lực hoặc yếu kém trong việc vận dụng các quy phạm này vào giải quyết vụ án hình sự trong thực tiễn, thì các vụ án hình sự được giải quyết chậm chạp, thiếu chính xác hoặc thậm chí là oan, sai hoàn toàn có thể xảy ra. Trình độ, năng lực của những chủ thể áp dụng pháp luật càng yếu kém thì khả năng chậm chạp hoặc sai lầm trong giải quyết vụ án hình sự càng cao. Vì vậy để đảm bảo cho công tác giải quyết các vụ án về tội chống người thi hành công vụ luôn đạt chất lượng cao, xử lý nhanh chóng, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật thì đội ngũ những người THPT luôn phải có được năng lực cao. Việc không ngừng nâng trình độ của những người THPT luôn luôn đòi hỏi mang tính liên tục. Để việc trau dồi, nâng cao năng lực của những người THPT đạt được hiệu quả cao cần phải làm tốt được những vấn đề sau:

- Thường xuyên tổ chức các chương trình tập huấn, các khóa đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn của những người THPT. Đây là hoạt động

quan trọng nhất trong việc trau dồi và nâng cao năng lực của những người THPT. Trình độ chuyên môn của người THPT là yếu tố quan trọng nhất đồng thời là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu quả của công tác xử lý tội phạm, giải quyết các vụ án hình sự trong thực tiễn. Kể cả với một hệ thống QPPL tiên tiến, nếu trình độ chuyên môn của những người THPT yếu sẽ không thể giải quyết đúng được các vụ án hình sự. Điều này dẫn tới không đạt được hiệu quả trong việc xử lý tội phạm cũng như hiệu quả của công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Các chương trình tập huấn hoặc các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ là hoạt động của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tự xây dựng và mở ra bao gồm các khóa đào tạo, chương trình tập huấn chuyên môn của riêng các ngành, hoặc các chương trình tập huấn, đào tạo phối hợp giữa các cơ quan liên ngành; hoặc là các hoạt động trong khuôn khổ các dự án hợp tác giữa các cơ quan tư pháp trong nước với các cơ quan tư pháp quốc tế hoặc các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ nhằm hướng tới huấn luyện, đào tạo chuyên sâu các cán bộ pháp luật về một hoặc một số lĩnh vực cụ thể trong tư pháp hình sự. Việc xây dựng và triển khai các dự án, chương trình tập huấn, đào tạo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cần phải được thực hiện thường xuyên ở tất cả các ngành trong lĩnh vực tư pháp. Đặc biệt là TAND, VKSND, Công an nhân dân.

Thường xuyên tuyên truyền và giáo dục về đạo đức nghề nghiệp cho các cán bộ pháp luật. Người cán bộ pháp luật nói chung và những người THPT nói riêng bên cạnh giỏi về trình độ chuyên môn còn phải là người có “đức”, thể hiện qua đạo đức nghề nghiệp. Những người THPT là những người làm việc theo pháp luật và chỉ tuân theo pháp luật, tuyệt đối không để các yếu tố vật chất hay tinh thần từ bên ngoài tác động làm ảnh hưởng tới quá trình cân nhắc và giải quyết vụ án hình sự. Có như vậy việc giải quyết các vụ án hình sự mới được công tâm, thượng tôn pháp luật. Bên cạnh việc tuyên truyền và giáo dục về đạo đức nghề nghiệp cho các cán bộ pháp luật, các cơ quan tư pháp nói chung và các cơ quan THPT còn phải xây dựng được bộ quy tắc ứng xử của cán bộ, nhân viên ngành

mình để làm tiêu chuẩn mẫu và bắt buộc mọi người phải tuân theo. Người cán bộ pháp luật bên cạnh việc có đạo đức trong thực hiện công tác chuyên môn còn phải có đạo đức với nhân dân, tận tình chỉ bảo và hướng dẫn nhân dân; tuyệt đối không được có thái độ cửa quyền, hách dịch, sách nhiễu hoặc tham ô.

Suy cho đến cùng, dù với bất kỳ cách thức xử lý nào cũng phải phù hợp với tính chất của sai phạm và thể hiện sự nghiêm minh của cơ quan quản lý cán bộ đó. Việc đưa ra các chế tài xử phạt nghiêm khắc đối với các sai phạm của người THTT cũng góp phần nhằm nâng cao năng lực của cán bộ áp dụng pháp luật.

### **3.5. Các giải pháp khác**

#### ***3.5.1. Các giải pháp, kiến nghị nhằm bảo đảm khi tiến hành công vụ***

Trong thực tế việc nhận thức thế nào là “công vụ”, “người thi hành công vụ” còn là vấn đề nhiều tranh cãi trong xử lý tội chống người thi hành công vụ. Trong quá trình áp dụng luật hình sự, không ít vấn đề vướng mắc đã phát sinh trong việc nhận thức pháp luật cũng như thi hành pháp luật ở cả giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử, như vậy mới dẫn đến việc phải đình chỉ điều tra vụ án, đình chỉ điều tra bị can, một số bản án bị hủy hoặc bị sửa.

- Hiện nay trong thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử tội chống người thi hành công vụ gặp rất nhiều khó khăn khi các cơ quan tố tụng khác nhau lại có cách hiểu khác nhau về “công vụ” và “người thi hành công vụ”. Thực tế này đòi hỏi cần thiết phải ban hành văn bản hướng dẫn thế nào là “công vụ” và “người thi hành công vụ” để đảm bảo thống nhất trong đường lối giải quyết các vụ án chống người thi hành công vụ. Vì vậy cần có văn bản hướng dẫn xác định một người phạm tội chống người thi hành công vụ hay không, khi mà công vụ mà họ chống lại không đúng pháp luật. Xác định trách nhiệm của người thi hành công vụ khi thi hành công vụ được xác định trái pháp luật. Người thi hành công vụ có buộc phải biết đến tính đúng đắn của công vụ mà mình có nhiệm vụ thi hành hay

không? Đây là lĩnh vực liên quan đến các quyết định hành chính, việc xác định tính đúng các quyết định này qua rất nhiều trình tự như khiếu nại, khởi kiện qua các cấp tòa án vẫn chưa có quyết định có hiệu lực pháp luật giải quyết xác định quyết định hành chính đó có đúng hay không. Như vậy trong trường hợp một người bị định tội danh chống người thi hành công vụ nhưng sau đó mới có quyết định của cơ quan có thẩm quyền xác định công vụ đó trái pháp luật thì trường hợp này xử lý như thế nào đối với hành vi người đã bị định tội danh chống người thi hành công vụ.

- Ngoài ra cũng cần có hướng dẫn của liên ngành trung ương hướng dẫn cụ thể xác định tư cách pháp lý của người trong vụ án chống người thi hành công vụ để THTT được thống nhất rõ ràng đảm bảo khi tiến hành công vụ. Tuy nhiên ngoài việc ban hành văn bản hướng dẫn như trên, VKSND – TAND cấp trên nên duy trì thường xuyên, định kỳ công tác giám đốc kiểm tra đối với Tòa án cấp dưới. Qua công tác kiểm tra, các sai sót về chuyên môn nghiệp vụ sẽ được phát hiện và khắc phục kịp thời, đối với những vi phạm nghiêm trọng trong việc xử lý vụ án sẽ bị kháng nghị giám đốc thẩm. Tổ chức đoàn kiểm tra theo chuyên đề tình hình thụ lý, giải quyết các vụ án đã quá hạn luật định và án tạm đình chỉ nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng xét xử. Thường xuyên tổ chức tổng kết công tác xét xử các loại tội xâm phạm nói chung và tội chống người thi hành công vụ nói riêng. Qua đó đúc kết kinh nghiệm thực tiễn xét xử, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để đảm bảo sao cho pháp luật đi vào cuộc sống thực tế.

- Về công tác Hội thẩm nhân dân: Hội thẩm nhân dân cần dành nhiều thời gian hơn nữa để nghiên cứu hồ sơ, thảo luận trao đổi nội dung cần làm rõ tại phiên tòa, bảo đảm việc xét xử thực hiện đúng theo tinh thần cải cách tư pháp, phát huy được nguyên tắc độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, góp phần tích cực vào kết quả công tác của ngành chống tội phạm.



- Đối với Cơ quan điều tra: Để chủ động phòng ngừa tội phạm, vấn đề quan trọng là nắm vững tình hình tội phạm cũng như điều kiện phạm tội. Đây là biện pháp nghiệp vụ của Cơ quan điều tra thông qua việc trinh sát, tiếp nhận, xử lý thông tin, giải quyết tin báo tố giác tội phạm, điều tra hiện trường, những tụ điểm mà tội phạm thường xuyên hoạt động. Mặt khác các vụ án chống người thi hành công vụ xuất phát từ việc thực thi nhiệm vụ của ngành Công an chiếm tỷ lệ rất lớn trong các vụ án nên ngành Công an cần phải rất thận trọng, đúng mực, điềm đạm khi tiếp xúc với nhân dân. Không nóng vội, hung hăng, thể hiện quyền trấn áp gây sự bức xúc cho người dân dẫn đến hành vi chống người thi hành công vụ. Tăng cường bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, điều tra viên làm công tác điều tra. Nâng cao trách nhiệm, chủ động trong hoạt động điều tra của điều tra viên cũng như CQCSĐT.

- Đối với Viện kiểm sát: VKSND với chức năng là cơ quan giám sát các hoạt động tư pháp, thông qua việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ đã góp phần vào việc phòng chống tội phạm nói chung. Tuy nhiên trong những năm qua, Viện kiểm sát chưa chủ động tham mưu cho Đảng và chính quyền địa phương về công tác phòng ngừa tội phạm. Hơn nữa công tác kiểm sát viên giải quyết tin báo, tố giác tội phạm của cơ quan điều tra cũng chưa được quan tâm đúng mức. Như vậy trong thời gian tới Viện kiểm sát cần phát huy chức năng giám sát hoạt động tư pháp, qua đó phát hiện những vi phạm trong thực hiện pháp luật của các cơ quan điều tra, Tòa án, Cơ quan thi hành án đồng thời phát hiện những sơ hở của pháp luật, chủ động tham mưu cho chính quyền địa phương trong công tác phòng ngừa tội phạm. Bên cạnh đó thì việc nâng cao trình độ nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, kiểm sát viên của Viện kiểm sát cũng phải được quan tâm để đảm bảo đủ năng lực.

### ***3.5.2. Các giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả giải quyết các vụ án về tội chống người thi hành công vụ***

Thực tế khoa học pháp lý hình sự đã chỉ ra rằng, để nâng cao hiệu quả giải quyết các vụ án về tội chống người thi hành công vụ yêu cầu đặt ra là Tòa án cần phối hợp với Viện kiểm sát đưa những vụ án chống người thi hành công vụ đi xét xử lưu động tại địa phương nhằm tuyên truyền, giáo dục ý thức pháp luật của người dân, đồng thời cũng nâng cao tinh thần đấu tranh phòng, ngừa tội phạm trong quần chúng nhân dân.

- Tăng cường hoạt động phối hợp liên ngành giữa Công an, Viện kiểm sát, Tòa án. Trong những năm qua, liên ngành Công an, Viện kiểm sát, TAND tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có sự phối hợp chặt chẽ trong việc giải quyết các vụ án hình sự. TAND Thành phố Hồ Chí Minh tăng cường công tác chỉ đạo, tổng kết hoạt động xét xử các vụ án hình sự để hướng dẫn, thống nhất áp dụng pháp luật cho TAND hai cấp Thành phố Hồ Chí Minh. Tăng cường công tác lãnh đạo của Đảng đối với công tác xét xử. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa án, phát hiện và xử lý nghiêm hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ TAND hai cấp Thành phố Hồ Chí Minh.

Trên cơ sở nghiên cứu thực tế của tác giả luận văn, một trong những nguyên nhân khiến cho các vụ án về chống người thi hành công vụ không được đưa ra xét xử trong thời gian qua, liên quan đến năng lực của cán bộ áp dụng pháp luật hình sự. Đặc biệt là từ phía cơ quan điều tra, thực tiễn tại Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy bất cứ vụ án nào cơ quan điều tra khởi tố khi có căn cứ đều được xét xử. Chính vì vậy nhằm nâng cao năng lực của cán bộ áp dụng pháp luật hình sự cần làm rõ một số nguyên nhân như sau:

Thứ nhất, do một số cán bộ làm công tác áp dụng pháp luật chưa nhận thức đúng và đầy đủ các dấu hiệu pháp lý của tội chống người thi hành công vụ nên có rất nhiều trường hợp có dấu hiệu tội phạm lại cho là vi phạm hành chính.

Do đó, cần định kỳ tổ chức tập huấn cho những người làm công tác áp dụng pháp luật nhằm cập nhật và áp dụng thống nhất pháp luật.

Thứ hai, làm trong sạch đội ngũ cán bộ thực thi pháp luật bằng các chương trình kiểm tra, giám sát. Thực tế cho thấy nhiều trường hợp vì động cơ vụ lợi hoặc cá nhân, người áp dụng pháp luật đã “hành chính hóa” các trường hợp phạm tội mà họ nhận thức được là phải xử lý hình sự.

Thứ ba, thường xuyên tổ chức các đợt báo cáo chuyên đề để tập huấn hướng dẫn công tác áp dụng pháp luật cho đội ngũ cán bộ áp dụng pháp luật, theo từng ngành cũng như liên ngành. Có thể kể đến kinh nghiệm trong tổng kết công tác xét xử của TAND tối cao hằng năm.

Thứ tư, về các xuất bản phẩm liên quan đến hướng dẫn áp dụng pháp luật cần được xây dựng thường xuyên và gửi đến những người áp dụng pháp luật, để từ đó họ có nguồn tài liệu tham khảo.

Để nâng cao hiệu quả giải quyết các vụ án về tội chống người thi hành công vụ cần tập trung đầu tư trang bị cơ sở vật chất cho ngành Công an, VKSND, TAND trang thiết bị như máy vi tính, phương tiện di chuyển, trang thiết bị kỹ thuật khoa học kỹ thuật hiện đại, cũng như ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử. Mặt khác trong công tác đấu tranh tội phạm hết sức khó khăn, vất vả và dễ bị cám dỗ trong khi đó đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên, Thẩm phán có khoản thu nhập nào khác ngoài lương. Vì vậy trong chính sách tiền lương, phụ cấp của Nhà nước cần quan tâm công tác. Đầu tư những phòng xét xử có trang bị hệ thống âm thanh, loa, camera phục vụ công tác xét xử, đáp ứng yêu cầu chung cho việc giải quyết vụ án.

### **Kết luận chương 3**

Trong quá trình nghiên cứu các giải pháp bảo đảm áp dụng đúng các quy định của pháp luật về tội chống người thi hành công vụ, các giải pháp đã nêu phải được thực hiện một cách đồng bộ, thống nhất mới có thể mang lại hiệu quả cao trên thực tiễn.

Việc đưa ra những giải pháp hoàn thiện và nâng cao này là cần thiết, nhất là trong bối cảnh nền kinh tế thị trường hiện nay, khi mà tình hình tội phạm hình sự nói chung và tội phạm xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội nói riêng ngày càng diễn biến phức tạp.

Từ những luận điểm trên để căn cứ đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm hạn chế các vụ án về tội chống người thi hành công vụ và các kiến nghị khác nhằm nâng cao hiệu quả giải quyết các vụ án về tội chống người thi hành công vụ đã góp phần tích cực và việc định tội danh và QĐHP đối với loại tội phạm này một cách hiệu quả hơn đối với các cơ quan THTT.

## KẾT LUẬN

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, kịp thời của Đảng bộ, chính quyền các cấp của Thành phố Hồ Chí Minh và sự tham gia tích cực, đồng bộ, có trách nhiệm của các cơ quan bảo vệ pháp luật, các tổ chức đoàn thể, đặc biệt là đông đảo quần chúng nhân dân đã góp phần to lớn cho những kết quả đạt được trong công tác áp dụng pháp luật, đấu tranh, phòng ngừa các loại tội phạm, giữ vững được an ninh trật tự, an toàn xã hội của cả nước nói chung và Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng trong thời gian qua. Tuy nhiên tình hình trật tự an toàn quản lý hành chính tại Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục diễn biến phức tạp, gia tăng cả về số lượng và các vụ án xảy ra ngày càng có tính chất manh động, côn đồ hung hãn, coi thường pháp luật, gây khó khăn ngày càng nhiều cho lực lượng thi hành công vụ. Nguyên nhân và điều kiện phát sinh các tình hình trên là do người dân chưa nhận thức đúng và đầy đủ trách nhiệm tuân thủ triệt để về chấp hành nghiêm về pháp luật. Mặt khác, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thực hiện quản lý hành chính còn nhiều hạn chế, kém năng động, thiếu sức thuyết phục, chưa phù hợp với từng loại đối tượng. Đáng chú ý là các cơ quan bảo vệ pháp luật còn thiếu kiên quyết, chưa thật sự nghiêm khắc trong đấu tranh phòng, chống tội chống người thi hành công vụ.

Là Trung tâm kinh tế của cả nước, Thành phố Hồ Chí Minh đang phải đối mặt với nguy cơ tiềm ẩn và phát sinh nhiều loại tội phạm với thủ đoạn ngày càng tinh vi, phức tạp. Cũng như các tội phạm khác, tội chống người thi hành công vụ đã ảnh hưởng đến trật tự xã hội của nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và toàn xã hội nói chung đang trở thành vấn đề nhức nhối đối với cả hệ thống chính trị và các cơ quan pháp luật trong công tác đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này.

Qua nghiên cứu thực tiễn về tội chống người thi hành công vụ, hoạt động định tội danh và QĐHP của tội chống người thi hành công vụ từ thực tiễn tại

Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của BLHS Việt Nam năm 1999, có thể đưa ra khái niệm về tội chống người thi hành công vụ. Dấu hiệu pháp lý của tội chống người thi hành công vụ. Thực trạng đấu tranh xử lý đối với tội chống người thi hành công vụ trên một địa bàn cụ thể mà vấn đề chống người thi hành công vụ là một vấn đề nóng, thu hút sự quan tâm của toàn thể nhân dân. Từ đó đưa ra những giải pháp, kiến nghị sửa đổi, bổ sung Điều 257 BLHS cho phù hợp với thực trạng tình hình tội phạm chống người thi hành công vụ hiện nay và những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của BLHS về tội chống người thi hành công vụ.

Với ý nghĩa tìm hiểu tội chống người thi hành công vụ nhằm làm tiền đề cho việc áp dụng các QPPL hình sự vào xử lý hình sự đối với loại tội phạm này tại Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và trên cả nước nói chung, luận văn đã sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành để làm rõ cơ sở pháp lý của tội danh này trên nhiều khía cạnh cơ bản bao gồm: Khái niệm, các dấu hiệu nhận biết các dấu hiệu cơ bản và dấu hiệu định khung tăng nặng của tội danh, phân biệt tội danh với một số tội danh khác, quá trình xây dựng và phát triển của các quy định của pháp luật về tội danh qua các thời kỳ lịch sử lập pháp, các vấn đề pháp lý cơ bản về định tội danh và QĐHP đối với tội danh.

Trong quá trình nghiên cứu luận văn, mặc dù đã có nhiều cố gắng, song với ý nghĩa là công trình nghiên cứu khoa học đầu tay của tác giả, với vốn kiến thức và kinh nghiệm còn hạn chế thiếu sót và sự phức tạp của vấn đề nghiên cứu, luận văn không thể tránh khỏi những khiếm khuyết, hạn chế nhất định, tác giả rất mong nhận được sự quan tâm đánh giá và đóng góp ý kiến của quý thầy cô và các độc giả để có thể tiếp tục hoàn thiện các nội dung của luận văn này. Qua đây tác giả cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành tới TS. Đặng Quang Phương đã tận tình hướng dẫn và giúp đỡ để tác giả hoàn thành tốt công trình nghiên cứu này.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ chính trị (2002), *Nghị quyết 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 về Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp thời gian tới.*
2. Chính phủ (2010), *Nghị định 73/2010/NĐ-CP ngày 12/7/2010 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội.*
3. Chính phủ (2013), *Nghị định 157/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013.*
4. Chính phủ (2013), *Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình được ban hành ngày 12/11/2013.*
5. Lê Cẩm (2000), *Các nghiên cứu chuyên khảo về Phần chung Luật hình sự, Tập III*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
6. Lê Cẩm (2005), *Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự, Phần chung*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
7. Trần Quốc Hải (2005), “*Hoàn thiện thể chế công vụ và công chức ở nước ta hiện nay*”, Tạp chí Quản lý nhà nước, (số 6), tr.33- 36.
8. Nguyễn Ngọc Hòa (1993), “*Quyết định hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam*”, Tạp chí TAND, (số 1), tr.05-08.
9. Nguyễn Ngọc Hòa (2007), “*Luật Hình sự Việt Nam, sự phát triển trong 20 năm đổi mới và các định hướng hoàn thiện*”, Tạp chí Luật học, (số 1), tr. 05-09.
10. Hồ Thế Hòe (2011), “*Đấu tranh với tội phạm chống người thi hành công vụ: Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp*”, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, (Số 7), tr.10-14.
11. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (1986), *Nghị quyết số 04/1986/NQ-HĐTP ngày 29/11/1986 hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần Các tội phạm của bộ luật hình sự năm 1985.*
12. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2013), *Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013.*

13. Hà Thương Huyền (2014), *Tội chống người thi hành công vụ trên địa bàn Thành phố Hà Nội*, Luận văn thạc sĩ Học viện Khoa học xã hội.
14. Lê Đức Sơn (2016), *Tội chống người thi hành công vụ theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn Thành phố Hà Nội*, Học viện khoa học xã hội.
15. Vũ Văn Kiệm (2006), *Tội chống người thi hành công vụ trong Luật hình sự Việt Nam và đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này*, Luận văn thạc sĩ.
16. Dương Tuyết Miên (2004), *Định tội danh và quyết định hình phạt*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
17. Cao Thị Oanh (2010), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam – Phần chung*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
18. Cao Thị Oanh (2010), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam – Phần các tội phạm*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
19. Đinh Văn Quế (2004), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999*”, *Phần chung*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
20. Đinh Văn Quế (2005), *Một số vấn đề về quyết định hình phạt quy định trong Bộ luật hình sự năm 1999*”, Tạp chí TAND, (số 16), tr. 32-36.
21. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*.
22. Quốc hội (2009), *Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước*.
23. Quốc hội (1985), *Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1985*.
24. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1999*.
25. Quốc hội (2015), *Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015*.
26. Quốc hội (2017), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 2015*.
27. Lê Như Quỳnh (2013), *Tội chống người thi hành công vụ trong luật hình sự Việt Nam (trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn ở Hà Tĩnh)*, Luận văn thạc sĩ luật học Khoa luật Đại học quốc gia Hà Nội.



28. Hồ Sỹ Sơn (2008), *Những hạn chế trong các quy định của BLHS năm 1999 về khái niệm hình phạt, mục đích của hình phạt và hướng khắc phục*, Tạp chí Luật học, (số 10), tr. 47-50, 72
29. Trường Đại học Luật Hà Nội (2005), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam, Phần các tội phạm*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
30. Trần Quang Tiệp (2002), *Lịch sử Luật Hình sự Việt Nam*, Nxb Chính Trị Quốc Gia, Hà Nội.
31. Trần Quang Tiệp (2003), *Lịch sử Luật Hình sự Việt Nam*, Nxb Chính Trị Quốc Gia, Hà Nội.
32. Lê Thế Tiêm (1994), *Đấu tranh phòng chống tội phạm chống người thi hành công vụ*, Nxb Trường đại học Luật Hà Nội.
33. Lê Thế Tiêm, Phạm Tự Phả (1994), *Tội phạm ở Việt Nam thực trạng, nguyên nhân và giải pháp*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
34. Phạm Văn Tinh (2007), *Một số vấn đề lý luận về tình hình tội phạm ở Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội
35. Phạm Văn Tinh, (2013), *Tội phạm học Việt Nam-Một số chuyên đề đại cương cơ bản*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
36. Nguyễn Anh Thu (2012), *Dấu hiệu “Chống người thi hành công vụ trong Luật hình sự Việt Nam”*, Luận văn thạc sĩ Khoa luật Đại học Quốc gia Hà Nội.
37. Đào Trí Úc (1994), *Tội phạm học, luật hình sự và tố tụng hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
38. Đào Trí Úc (2000), *Luật hình sự Việt Nam, Tập 1, Những vấn đề chung*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
39. Võ Khánh Vinh (1996), *Tội phạm học, Luật hình sự, Luật tố tụng hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
40. Võ Khánh Vinh (2008), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam, Phần chung*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
41. Võ Khánh Vinh (2011), *Giáo trình Lý luận chung về định tội danh*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

42. Võ Khánh Vinh (2012), *Xã hội học pháp luật*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
43. Võ Khánh Vinh (2013), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam, Phần các tội phạm*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
44. Võ Khánh Vinh (2013), *Giáo trình Lý luận chung về định tội danh*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
45. Võ Khánh Vinh (2014), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam, Phần chung*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
46. Võ Khánh Vinh (2014), *Giáo trình sau đại học Phần các tội phạm*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.